

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG  
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ  
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN ĐẮK MIL

## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

*Đắk Mil, tháng 4 năm 2023*

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**  
**TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN ĐẮK MIL**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>  | <b>Chức vụ/chức danh</b> | <b>Chức vụ trong hội đồng</b> | <b>Chữ ký</b> |
|-----------|-------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------|
| 1         | Hồ Tấn Đăng       | Hiệu trưởng              | Chủ tịch                      |               |
| 2         | Ngô Thạch Anh     | Phó hiệu trưởng          | Phó chủ tịch                  |               |
| 3         | Đặng Quốc Thịnh   | Phó hiệu trưởng          | Phó chủ tịch                  |               |
| 4         | Nguyễn Minh Luân  | Thư ký hội đồng          | Thư ký                        |               |
| 5         | Mai Trung Tuyên   | Chủ tịch công đoàn       | Ủy viên                       |               |
| 6         | Nguyễn Quốc Việt  | Bí thư đoàn              | Ủy viên                       |               |
| 7         | Niê Đoàn Chính    | Tổ trưởng                | Ủy viên                       |               |
| 8         | Tô Duy Cường      | Tổ trưởng                | Ủy viên                       |               |
| 9         | Thái Thị Hồng Quý | Tổ trưởng                | Ủy viên                       |               |
| 10        | Phan Văn Ty       | Tổ trưởng                | Ủy viên                       |               |
| 11        | Lê Văn Lam        | Kế toán, tổ trưởng       | Ủy viên                       |               |
| 12        | Phạm Thị Kim Anh  | Văn thư, thủ quỹ         | Ủy viên                       |               |

## MỤC LỤC

| <b>NỘI DUNG</b>                              | <b>Trang</b> |
|--|--------------|
| <b>MỤC LỤC</b>                               | 1            |
| <b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT</b>             | 4            |
| <b>TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ</b>          | 5            |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                 | 7            |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                  | 12           |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                         | 12           |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3</b> | 15           |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>                          | 15           |
| Mở đầu                                       | 15           |
| Tiêu chí 1.1                                 | 15           |
| Tiêu chí 1.2                                 | 17           |
| Tiêu chí 1.3                                 | 19           |
| Tiêu chí 1.4                                 | 22           |
| Tiêu chí 1.5                                 | 24           |
| Tiêu chí 1.6                                 | 26           |
| Tiêu chí 1.7                                 | 28           |
| Tiêu chí 1.8                                 | 30           |
| Tiêu chí 1.9                                 | 31           |
| Tiêu chí 1.10                                | 33           |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>              | 35           |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>                          | 36           |
| Mở đầu                                       | 36           |
| Tiêu chí 2.1                                 | 37           |
| Tiêu chí 2.2                                 | 39           |
| Tiêu chí 2.3                                 | 41           |
| Tiêu chí 2.4                                 | 43           |

| <b>NỘI DUNG</b>                 | <b>Trang</b> |
|---------------------------------|--------------|
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i> | 46           |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>             | 46           |
| Mở đầu                          | 46           |
| Tiêu chí 3.1                    | 47           |
| Tiêu chí 3.2                    | 49           |
| Tiêu chí 3.3                    | 50           |
| Tiêu chí 3.4                    | 52           |
| Tiêu chí 3.5                    | 53           |
| Tiêu chí 3.6                    | 55           |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i> | 57           |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>             | 58           |
| Mở đầu                          | 58           |
| Tiêu chí 4.1                    | 58           |
| Tiêu chí 4.2                    | 61           |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i> | 63           |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>             | 64           |
| Mở đầu                          | 64           |
| Tiêu chí 5.1                    | 64           |
| Tiêu chí 5.2                    | 68           |
| Tiêu chí 5.3                    | 71           |
| Tiêu chí 5.4                    | 73           |
| Tiêu chí 5.5                    | 75           |
| Tiêu chí 5.6                    | 79           |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i> | 83           |

|                          |              |
|--------------------------|--------------|
| <b>NỘI DUNG</b>          | <b>Trang</b> |
| <b>C. KẾT LUẬN CHUNG</b> | <b>85</b>    |

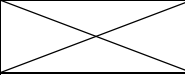
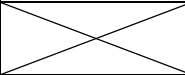
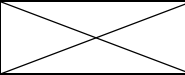
## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | Cụm từ viết tắt     | Cụm từ đầy đủ  |
|-----|---------------------|--|
| 1   | CB, GV, NV, HS      | Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh                           |
| 2   | DTNT                | Dân tộc nội trú  |
| 3   | KHKT                | Khoa học kỹ thuật  |
| 4   | NH                  | Năm học  |
| 5   | PT DTNT THCS & THPT | Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông |
| 6   | SGD&ĐT              | Sở Giáo dục và Đào tạo   |
| 7   | THCS                | Trung học cơ sở  |
| 8   | THPT                | Trung học phổ thông  |
| 9   | UBND                | Ủy ban nhân dân  |
| 10  | CMHS                | Cha mẹ học sinh  |
| 11  | CSVC                | Cơ sở vật chất   |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá các tiêu chí mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |            |            |              |
|-------------------------|-----------|------------|------------|--------------|
|                         | Không đạt | Đạt        |            |              |
|                         |           | Mức 1      | Mức 2      | Mức 3        |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           | <b>Đạt</b> | <b>Đạt</b> | <b>Không</b> |
| Tiêu chí 1.1            |           | Đạt        | Đạt        | Không        |
| Tiêu chí 1.2            |           | Đạt        | Đạt        | X            |
| Tiêu chí 1.3            |           | Đạt        | Đạt        | Đạt          |
| Tiêu chí 1.4            |           | Đạt        | Đạt        | Không        |
| Tiêu chí 1.5            |           | Đạt        | Đạt        | Đạt          |
| Tiêu chí 1.6            |           | Đạt        | Đạt        | Đạt          |
| Tiêu chí 1.7            |           | Đạt        | Đạt        | X            |
| Tiêu chí 1.8            |           | Đạt        | Đạt        | X            |
| Tiêu chí 1.9            |           | Đạt        | Đạt        | X            |
| Tiêu chí 1.10           |           | Đạt        | Đạt        | X            |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           | <b>Đạt</b> | <b>Đạt</b> | <b>Không</b> |
| Tiêu chí 2.1            |           | Đạt        | Đạt        | Không        |
| Tiêu chí 2.2            |           | Đạt        | Đạt        | Không        |
| Tiêu chí 2.3            |           | Đạt        | Đạt        | Đạt          |
| Tiêu chí 2.4            |           | Đạt        | Đạt        | Không        |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           | <b>Đạt</b> | <b>Đạt</b> | <b>Không</b> |
| Tiêu chí 3.1            |           | Đạt        | Đạt        | Đạt          |
| Tiêu chí 3.2            |           | Đạt        | Đạt        | Không        |
| Tiêu chí 3.3            |           | Đạt        | Đạt        | Đạt          |

|                     |  |            |            |   |
|---------------------|--|------------|------------|---|
| Tiêu chí 3.4        |  | Đạt        | Đạt        |  |
| Tiêu chí 3.5        |  | Đạt        | Đạt        | Không   |
| Tiêu chí 3.6        |  | Đạt        | Đạt        | Không   |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b> |  | <b>Đạt</b> | <b>Đạt</b> | <b>Không</b>  |
| Tiêu chí 4.1        |  | Đạt        | Đạt        | Đạt   |
| Tiêu chí 4.2        |  | Đạt        | Đạt        | Không   |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |  | Đạt        | Đạt        | Không   |
| Tiêu chí 5.1        |  | Đạt        | Đạt        | Đạt   |
| Tiêu chí 5.2        |  | Đạt        | Đạt        | Đạt   |
| Tiêu chí 5.3        |  | Đạt        | Đạt        |  |
| Tiêu chí 5.4        |  | Đạt        | Đạt        |  |
| Tiêu chí 5.5        |  | Đạt        | Đạt        | Đạt   |
| Tiêu chí 5.6        |  | Đạt        | Đạt        | Đạt   |

**2. Kết luận chung: Đạt mức 2.**



## Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN ĐẮK MIL.

Tên trước đây: Trường Phổ thông dân tộc Đăk Mil.

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Đăk Nông.

|  |                  |                              |                            |
|--|------------------|------------------------------|----------------------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương             | Đăk Nông         | Họ và tên hiệu trưởng        | Hồ Tấn Đăng                |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố                   | Huyện Đăk Mil    | Điện thoại                   | 0263741326                 |
| Xã / phường/thị trấn                             | Thị trấn Đăk Mil | Fax                          |                            |
| Đạt CQG  | 2015             | Website                      | ptdntdakmil.daknong.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1992             | Số điểm trường               | Không                      |
| Công lập   | x                | Loại hình khác               |                            |
| Tư thục  |                  | Thuộc vùng khó khăn          |                            |
| Trường chuyên biệt                               |                  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |                            |
| Trường liên kết với nước ngoài                   |                  |                              |                            |

### 1. Số lớp học

| Số lớp học | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 |
|------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 6 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |
| Khối lớp 7 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |

|             |          |          |          |          |          |
|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Khối lớp 8  | 1        | 1        | 1        | 1        | 1        |
| Khối lớp 9  | 1        | 1        | 1        | 1        | 1        |
| Khối lớp 10 | 1        | 1        | 1        | 1        | 1        |
| Khối lớp 11 | 1        | 1        | 1        | 1        | 1        |
| Khối lớp 12 | 1        | 1        | 1        | 1        | 1        |
| <b>Cộng</b> | <b>7</b> | <b>7</b> | <b>7</b> | <b>7</b> | <b>7</b> |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT        | Số liệu  | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-2022 | Ghi<br>chú |
|-----------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|------------|
| <b>I</b>  | <b>Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập</b> | <b>26</b>                | <b>26</b>                | <b>26</b>                | <b>26</b>                | <b>26</b>            |            |
| 1         | Phòng học  | 7                        | 7                        | 7                        | 7                        | 7                    |            |
| a         | Phòng kiên cố  | 7                        | 7                        | 7                        | 7                        | 7                    |            |
| b         | Phòng bán kiên cố  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |            |
| c         | Phòng tạm  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |            |
| 2         | Phòng học bộ môn   | 3                        | 3                        | 3                        | 3                        | 3                    |            |
| a         | Phòng kiên cố  | 3                        | 3                        | 3                        | 3                        | 3                    |            |
| b         | Phòng bán kiên cố  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |            |
| c         | Phòng tạm  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |            |
| 3         | Khối phục vụ học tập                                       | 3                        | 3                        | 3                        | 3                        | 3                    |            |
| a         | Phòng kiên cố  | 3                        | 3                        | 3                        | 3                        | 3                    |            |
| b         | Phòng bán kiên cố  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |            |
| c         | Phòng tạm  | 0                        | 0                        | 0                        | 0                        | 0                    |            |
| <b>II</b> | <b>Khối phòng hành chính-</b>                              | <b>7</b>                 | <b>7</b>                 | <b>7</b>                 | <b>7</b>                 | <b>7</b>             |            |

| TT         | Số liệu                                 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Ghi chú |
|------------|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
|            | <b>quản trị</b>                         |                   |                   |                   |                   |                   |         |
| 1          | Phòng kiên cố                           | 7                 | 7                 | 7                 | 7                 | 7                 |         |
| 2          | Phòng bán kiên cố                       | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |         |
| 3          | Phòng tạm                               | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |         |
| <b>III</b> | <b>Thư viện</b>                         | <b>1</b>          | <b>1</b>          | <b>1</b>          | <b>1</b>          | <b>1</b>          |         |
| <b>IV</b>  | <b>Phòng ở nội trú, nhà ăn, nhà bếp</b> | <b>32</b>         | <b>32</b>         | <b>32</b>         | <b>32</b>         | <b>32</b>         |         |
| 1          | Nhà bếp                                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |         |
| 2          | Kho bếp                                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |         |
| 3          | Nhà ăn                                  | 2                 | 2                 | 2                 | 2                 | 2                 |         |
| 4          | Nhà ở nội trú                           | 27                | 27                | 27                | 27                | 27                |         |
| 5          | Phòng quản lý học sinh                  | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |         |
|            | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>66</b>         | <b>66</b>         | <b>66</b>         | <b>66</b>         | <b>66</b>         |         |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh:

|                 | Tổng số   | Nữ        | Dân tộc  | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|-----------------|-----------|-----------|----------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |           |           |          | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 1         | 0         | 0        | 0                | 1         | 0          |         |
| Phó hiệu trưởng | 2         | 0         | 0        | 0                | 1         | 1          |         |
| Giáo viên       | 18        | 7         | 2        | 0                | 17        | 1          |         |
| Nhân viên       | 11        | 9         | 0        | 0                | 11        | 0          |         |
| <b>Cộng</b>     | <b>32</b> | <b>16</b> | <b>2</b> | <b>0</b>         | <b>30</b> | <b>2</b>   |         |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 |
|----|---------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|----|---------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|

| TT | Số liệu   | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên   | 16                       | 17                       | 17                       | 18                       | 18                       |
| 2  | Tỷ lệ giáo viên/lớp   | 2.3                      | 2.4                      | 2.4                      | 2.6                      | 2.6                      |
| 3  | Tỷ lệ giáo viên/học sinh (%)                                  | 8.47                     | 8.46                     | 8.21                     | 8.65                     | 8.78                     |
| 4  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên | 0                        | 2                        | 0                        | 5                        | 0                        |
| 5  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên                   | 0                        | 2                        | 0                        | 0                        | 2                        |
| 6  | Các số liệu khác (nếu có)                                     |                          |                          |                          |                          |                          |

#### 4. Học sinh

##### a) Số liệu chung

| TT            | Số liệu           | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Ghi chú |
|---------------|-------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|
| 1             | Tổng số           | 189                  | 199                  | 208                  | 208                  | 205                  |         |
|               | - Nữ              | 136                  | 149                  | 172                  | 176                  | 150                  |         |
|               | - Dân tộc         | 187                  | 199                  | 208                  | 208                  | 205                  |         |
|               | - Khối lớp 6      | 30                   | 30                   | 30                   | 29                   | 29                   |         |
|               | - Khối lớp 7      | 30                   | 29                   | 30                   | 30                   | 28                   |         |
|               | - Khối lớp 8      | 27                   | 29                   | 30                   | 30                   | 29                   |         |
|               | - Khối lớp 9      | 25                   | 25                   | 29                   | 29                   | 30                   |         |
|               | - Khối lớp 10     | 28                   | 31                   | 29                   | 30                   | 30                   |         |
|               | - Khối lớp 11     | 28                   | 28                   | 31                   | 29                   | 30                   |         |
| - Khối lớp 12 | 21                | 27                   | 28                   | 31                   | 29                   |                      |         |
| 2             | Tổng số tuyển mới | 58                   | 60                   | 60                   | 60                   | 60                   |         |
| 3             | Học buổi/ngày     | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    | 2                    |         |
| 4             | Bán trú           |                      |                      |                      |                      |                      |         |
| 5             | Nội trú           | 189                  | 199                  | 208                  | 208                  | 205                  |         |
| 6             | Bình quân số      | 27                   | 28,4                 | 29.7                 | 29.7                 | 29.3                 |         |

| TT | Số liệu                                       | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Ghi<br>chú |
|----|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
|    | học sinh/lớp                                  |                      |                      |                      |                      |                      |            |
| 7  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi       | 189 (100%)           | 199 (100%)           | 208 (100%)           | 208 (100%)           | 205 (100%)           |            |
|    | - Nữ  | 136 (72.73)          | 149 (74.87)          | 172 (83.09)          | 176 (84.62)          | 150 (73.17)          |            |
|    | - Dân tộc thiểu số                            | 189 (100%)           | 199 (100%)           | 208 (100%)           | 208 (100%)           | 205 (100%)           |            |
| 8  | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0                    | 13                   | 2                    | 17                   | 2                    |            |
| 9  | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)   | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    | 0                    |            |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách   | 187                  | 199                  | 208                  | 208                  | 205                  |            |
|    | - Nữ  | 136                  | 149                  | 172                  | 176                  | 150                  |            |
|    | - Dân tộc thiểu số                            | 187                  | 199                  | 207                  | 208                  | 205                  |            |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt        | 5                    | 4                    | 4                    | 3                    | 3                    |            |
|    | Các số liệu khác (nếu có)                     |                      |                      |                      |                      |                      |            |

b) Kết quả giáo dục

| Số liệu  | Năm học<br>2017-2018 | Năm học<br>2018-2019 | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Ghi<br>chú |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| Tỷ lệ % học sinh xếp loại giỏi                 | 11.1                 | 11.1                 | 11                   | 9                    | 11                   |            |
| Tỷ lệ % học sinh xếp loại khá                  | 46                   | 55.3                 | 49                   | 60                   | 54                   |            |
| Tỷ lệ % học sinh xếp loại yếu, kém             | 2.6                  | 2                    | 2                    | 0                    | 3                    |            |
| Tỷ lệ % học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt        | 72                   | 71.4                 | 84                   | 88                   | 89                   |            |
| Tỷ lệ % học sinh xếp loại hạnh kiểm khá        | 27                   | 27.6                 | 16                   | 12                   | 11                   |            |
| Tỷ lệ % học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 1                    | 1                    | 0                    | 0                    | 0                    |            |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường PT DTNT THCS & THPT huyện Đắk Mil được thành lập theo Quyết định số 623/QĐ-UBND, ngày 19/10/1992 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Lúc đầu trường có tên là trường Phổ thông dân tộc nội trú Đắk Mil, đến năm 2015 nhà trường tuyển sinh lớp 10 bậc THPT nên nhà trường được đổi tên thành PT DTNT THCS & THPT huyện Đắk Mil theo Quyết định 383/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Tháng 10 năm 2015 nhà trường được công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia. Từ đó đến nay nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Những kết quả đạt được là tiền đề quan trọng cho giai đoạn 2020-2025, cũng như tầm nhìn đến năm 2030 nhà trường sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, là địa chỉ thực sự tin cậy của cha mẹ học sinh và học sinh là người dân tộc thiểu số trong huyện nhà.

##### **1.1. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên**

###### *a) Điểm mạnh.*

Đội ngũ CB, GV, NV nhà trường có 32 người, trong đó: Ban giám hiệu có 03 người, giáo viên 18 người và nhân viên có 11 người (trong đó có 06 người hợp đồng 68/161).

- Trình độ chuyên môn của CB, GV, NV: 100% đạt chuẩn, trong đó có 02 người có trình độ thạc sĩ. Trình độ lý luận chính trị: Trong số 32 người có 01 người có trình độ cao cấp lý luận chính trị; 04 người có trình độ sơ cấp lý luận chính trị; có 23 người có trình độ sơ cấp lý luận chính trị.

- Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, kinh nghiệm và nhiệt tình trong công tác; có khả năng lập kế hoạch, xây dựng các giải pháp thực hiện phù hợp thực tiễn nhà trường; tích cực cập nhật các thông tin phục vụ yêu cầu công tác.

- Đối với giáo viên đa số giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường. Tuổi nghề bình quân cán bộ và giáo viên là 16 năm, nhiều người có trình độ chuyên môn giỏi và kinh nghiệm, đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

###### *b) Điểm hạn chế*

- Lý luận chính trị của giáo viên, nhân viên chưa cao. Trình độ ngoại ngữ và tin học còn hạn chế.

- Số GV của mỗi bộ môn ít, có từ 01 đến 02 người/môn, có nhiều GV phải dạy nhiều lớp của cả 02 cấp học, vì vậy việc trao đổi kinh nghiệm còn hạn chế, hoạt động tổ chuyên môn chậm đổi mới; một số ít GV còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, thiếu tích cực trong công tác đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá; điều kiện kinh tế và sinh hoạt của một số GV, NV còn gặp nhiều khó khăn.

- Yêu cầu đòi hỏi của đổi mới giáo dục là rất cao, chương trình và phương pháp dạy học cho phù hợp với mục tiêu giáo dục trong thời gian tới là thách thức rất lớn đối với đội ngũ giáo viên. Phong trào đổi mới, sáng tạo trong dạy học đòi hỏi ở người giáo viên có tâm huyết và năng lực thật sự, tuy nhiên kinh nghiệm và tính tự giác chưa cao của một số giáo viên làm ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công phong trào mà Bộ GD & ĐT đã đề ra.

## **1.2. Về số lượng, chất lượng học sinh:**

### *a) Điểm mạnh.*

- Tổng số học sinh toàn trường trung bình trong những năm học gần đây là 210 học sinh, chia đều 7 lớp mỗi lớp trung bình có 30 học sinh.

- Chất lượng giáo dục 02 mặt trong những năm gần đây có phát triển đáng kể. Trong 03 năm học gần đây, học sinh xếp loại hạnh kiểm khá tốt, học lực khá giỏi tương đối cao.

### *b) Điểm hạn chế*

HS thuộc nhiều dân tộc thiểu số ở 02 cấp học có sự chênh lệch độ tuổi, sự khác nhau về tập tục là khó khăn không nhỏ trong việc tổ chức giáo dục tập thể; chất lượng tuyển sinh đầu cấp còn thấp; khả năng tự học của học sinh còn yếu, ý thức tự giác học tập và rèn của số ít học sinh chưa cao; phần lớn HS còn học theo lối thụ động, khó đổi mới phương pháp học tập điều này ảnh hưởng lớn đến việc đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục.

## **1.3. Về cơ sở vật chất**

- Diện tích khuôn viên trường gần 0.7 hecta.

- Phòng học chính thức có 07 phòng

- Có 01 phòng dạy học môn tin học; 01 phòng học anh văn; 01 phòng học bộ môn vật lý.

- Thư viện, phòng đọc và phòng truyền thống tương đối đầy đủ.

- Nhà hiệu bộ đầy đủ phòng cho lãnh đạo, nhân viên viên làm việc. Các phòng và đồ dùng tối thiểu để phục vụ cho giáo viên đầy đủ. Các phòng hội đồng, phòng làm việc của lãnh đạo, nhân viên tương đối đầy đủ.

- Có nhà đa năng; nhà để xe cho giáo viên, nhà vệ sinh cho học sinh khu học tập còn tạm.

- Khu nội trú học sinh gồm 2 dãy nhà 2 tầng, có 27 phòng ở dành cho HS và 01 phòng trực của GV; có 01 nhà bếp, khu nhà ăn có 02 phòng đáp ứng tổ chức ăn ăn hàng ngày.

- Bàn ghế làm việc và học tập đầy đủ; hệ thống internet lắp đặt đáp ứng được nhu cầu công việc.

*a) Điểm mạnh*

- Công tác vệ sinh, bảo quản CSVC chu đáo.

- Về phòng học chính thức: Đảm bảo mỗi lớp có riêng 01 phòng học.

*b) Điểm hạn chế*

- Điều kiện CSVC nhà trường còn thiếu để thực hiện nhiệm vụ dạy, học và ăn, ở cho học sinh nội trú. Cụ thể: Phòng bộ môn, phòng hỗ trợ học tập còn thiếu 8 phòng so với quy định; nhà vệ sinh, tường rào chưa đảm bảo; phòng ở học sinh còn thiếu và xuống cấp; máy vi tính dùng dạy học còn thiếu.

- Diện tích khuôn viên trường còn hẹp, nên việc bố trí diện tích đất để xây dựng khu giáo dục thể chất và tăng gia sản xuất cho HS là rất khó khăn; *sân trường đã hư hỏng nhiều.*

- Hàng rào phía trước đã hư hỏng; nhà vệ sinh học sinh còn tạm bợ; nhà ở nội trú học sinh đã xuống cấp, bên trong khu nhà này còn có hệ thống tự hủy không đáp ứng được khối lượng nước thải sinh hoạt của HS.

- Sách tham khảo còn hạn chế, thiết bị đồ dùng dạy học còn thiếu so với quy định; thiết bị và đồ dùng trang bị cho các phòng làm việc của lãnh đạo, phòng nhân viên còn thiếu.

## **2. Mục đích tự đánh giá**

Theo Thông tư 18/2018/BGDĐT, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và ý nghĩa của công việc. Qua công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường thấy được thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá có phân công và xây dựng kế hoạch cụ thể, đảm bảo tính trung thực của báo cáo, cũng như các minh chứng đã thu thập. Đó là bằng chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể CB, GV, NV và học HS.



## **B. TỰ ĐÁNH MỨC ĐỘ 1, MỨC ĐỘ 2 VÀ MỨC ĐỘ 3**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Tổ chức và quản lý nhà trường là nhiệm vụ quan trọng quyết định cấu trúc bộ máy và điều hành quản lý hoạt động giáo dục của nhà trường. Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Mil có đầy đủ các tổ chức, bộ phận theo hướng dẫn của Luật Giáo dục và Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, theo Thông tư 01/2016 về hướng dẫn hoạt động và tổ chức của trường Phổ thông dân tộc nội trú. Từng tổ chức, bộ phận có nhiệm vụ, chức năng cụ thể, hoạt động vừa độc lập vừa phối hợp chặt chẽ với nhau, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ nhà trường. Các hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác được tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, dân chủ, đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn nhà trường, hoạt động có hiệu quả.

#### **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

##### **Mức 1:**

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, SGD&ĐT.

##### **Mức 2:**

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

##### **Mức 3:**

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

### **1. Mô tả hiện trạng**

##### **Mức 1:**

a) Trường PTDTNT THCS THPT huyện Đắk Mil được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia vào tháng 10 năm 2015. Từ đó đến nay nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo;

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2020 và giai đoạn 2020- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của nhà trường;

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản, đã công bố trước Hội đồng sư phạm nhà trường và đã được SGD&ĐT phê duyệt [H1-1.1-01];

Nội dung của Kế hoạch chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.1-01];

c) Nội dung của kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được thông qua thảo luận góp ý của toàn HĐSP nhà trường và đã được công khai bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị tại địa chỉ: <http://ptdntdakmil.daknong.edu.vn> [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phân đấu theo phương hướng chiến lược đã xây dựng để kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp thực hiện mục tiêu cho những năm học tiếp theo [H1-1.1-03];

## 2. Điểm mạnh

Nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được thể hiện đầy đủ, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương.

Chiến lược đã xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, định hướng mục tiêu và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển của nhà trường giai đoạn 2020–2025 và tầm nhìn 2030, là cơ sở, tiền đề để xây dựng kế hoạch NH nói chung và các kế hoạch hoạt động khác nói riêng.

## 3. Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020–2025 và tầm nhìn 2030 có tính định hướng cho nhà trường ổn định phát triển, tuy nhiên một số giải pháp thực hiện còn khó khăn như tu sửa, cải tạo CSVC.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường, hội đồng trường hàng năm bám sát vào mục tiêu và tình hình thực tế để đưa ra giải pháp, kịp thời chủ động tham mưu với cấp trên, điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả kế hoạch chiến lược.

## 5. Tự đánh giá:

| Mức 1   |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|---------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |

| Mức 1      |            | Mức 2      |            | Mức 3        |              |
|------------|------------|------------|------------|--------------|--------------|
| a          | <b>Đạt</b> | *          | <b>Đạt</b> | *            | <b>Không</b> |
| b          | <b>Đạt</b> |            |            |              |              |
| c          | <b>Đạt</b> |            |            |              |              |
| <b>Đạt</b> |            | <b>Đạt</b> |            | <b>Không</b> |              |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

## **Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác**

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

\* Hội đồng trường:

Hội đồng trường PTDTNT THCS THPT huyện Đăk Mil được nhà trường đề nghị và Giám đốc SGD&ĐT ra quyết định thành lập Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Hiệu trưởng ra quyết định đề cử đại diện CMHS và HS vào hội đồng trường theo đúng quy định; thành phần trong hội đồng trường, nhiệm vụ và quyền hạn và hoạt động của hội đồng trường thực hiện đúng theo Điều 10 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT [H1-1.2-01];

\* Hội đồng thi đua khen thưởng (HĐ TĐKT)

Hàng năm, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập HĐ TĐKT theo đúng *Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc ban hành Quy định về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đăk Nông*; thành phần Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng; Phó Chủ tịch thường trực Phó hiệu trưởng; các ủy viên khác do hội đồng sự phạm nhà trường bình chọn;

Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐ TĐKT là xây dựng kế hoạch, quy chế TĐKT, tuyên truyền vận động phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tổ chức họp bình xét tập thể, cá nhân để đề nghị cấp trên tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng [H1-1.2-02];

\* Hội đồng kỉ luật

Trong 3 năm học gần đây, không có học sinh vi phạm đến mức độ phải xem xét kỷ luật, vì vậy nhà trường không lập hội đồng kỷ luật học sinh [H1-1.2-03];

**\* Hội đồng chấm sáng kiến**

Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT, hàng năm nhà trường phát động phong trào làm đồ dùng dạy học và viết sáng kiến đến CB, GV, NV. Căn cứ vào các đề tài đăng ký, nhà trường thành lập Hội đồng chấm sáng kiến và tổ chức thực hiện theo đúng Thông tư 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

Kết quả trong 3 năm học gần đây có 08 sáng kiến được công nhận cấp cơ sở [H1-1.2-04].

**\* Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi**

Thực hiện theo Nghị quyết hội nghị CB, VC, NLD đầu năm học, hàng năm nhà trường phát động phong trào thi đua dạy tốt học tốt đến GV, HS. Nhà trường thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi và tổ chức thực hiện theo đúng Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của BGDĐT v/v quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi.

Kết quả trong 3 năm học gần đây có 05 GV được công nhận GV dạy giỏi cấp trường; 02 GV được công nhận GV dạy giỏi cấp tỉnh [H1-1.2-05];

**\* Hội đồng tự đánh giá và các hội đồng khác**

Mỗi năm học nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường trung học [H1-1.2-06];

Sau mỗi năm học, đối với mỗi hội đồng nhà trường đánh giá lại hiệu quả hoạt động, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, đồng thời chỉ rõ những mặt đạt được, những mặt hạn chế từ đó rút kinh nghiệm, bổ sung vào kế hoạch hoạt động cho những năm tiếp theo, nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục trong nhà trường.

**Mức 2:**

Thông qua các quyết định của Hội đồng trường đã giúp nhà trường hoàn thiện về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, quyết định về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; đồng thời thông qua giám sát, đã giúp nhà trường công khai minh bạch, thực hiện tốt quy chế dân chủ và các nhiệm vụ khác đề ra theo kế hoạch năm học.

Các hội đồng khác như hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, Hội đồng tự đánh giá,... trong nhiều năm qua được thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

Kết quả 3 năm học vừa qua nhà trường được Sở GDĐT phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và tập thể lao động tiên tiến [H1-1.2-07].

## 2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác được thành lập theo đúng quy định.

Từng thành viên của các hội đồng đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, có những ý kiến đóng góp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong Hội đồng trường chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình như: công tác tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc; kỹ năng văn bản và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy mạnh mẽ Quy chế dân chủ cơ sở, hàng năm, nhà trường tổ chức tập huấn nghiệp vụ, rà soát rút kinh nghiệm, đề ra các nhiệm vụ giải pháp tối ưu, cụ thể để tất cả các thành viên trong Hội đồng hoạt động đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn của nhà trường.

## 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                |                  |                |

### Kết quả: Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Cụ thể:

- Công đoàn: Được thành lập theo Điều lệ công đoàn; BCH công đoàn, chủ tịch, phó chủ tịch được chuẩn y theo nhiệm kỳ 2017-2022 và nhiệm kỳ 2023-2028;

- Đoàn thanh niên: Được thành lập theo Điều lệ; BCH đoàn trường, bí thư, phó bí thư được chuẩn y theo từng nhiệm kỳ mỗi năm học [H1-1.3-01].

b) Hoạt động theo quy định

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh cơ cấu hoạt động theo đúng Điều lệ, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của chi bộ nhà trường.

Mỗi nhiệm kỳ, các tổ chức đều xây dựng phương hướng, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện;

Hàng năm, hàng tháng các tổ chức đều xây dựng kế hoạch để tuyên truyền, vận động đoàn viên tham gia. Định kỳ hàng tháng BCH đoàn thể báo cáo trước chi bộ về kết quả thực hiện, được tổng kết/sơ kết vào cuối năm học [H1-1.3-02].

c) Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được rà soát, đánh giá định kỳ thông qua báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết hằng năm [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Chi bộ: Được thành lập theo Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam, do Ban thường vụ huyện ủy Đăk Mil ra quyết định thành lập; Chi ủy, Bí thư, phó bí thư được chuẩn y theo từng nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025; trong 5 năm liên, chi bộ được Ban thường vụ huyện ủy công nhận từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-04].

b) Các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt chức năng phối hợp, giám sát và thực hiện nhiệm vụ của tổ chức mình, qua đó đóng góp ý kiến, xây dựng cho nhà trường, góp phần vào việc thực hiện thành công kế hoạch của nhà trường, như thông qua báo cáo thực hiện quy chế dân chủ, các báo cáo tổng kết năm học của nhà trường, các báo cáo tổng kết của các tổ chức đoàn thể và báo cáo tổng kết của chi bộ nhiệm kỳ 2015-2020 [H1-1.3-03], [H1-1.3-05].

Mức 3:

a) Trong 5 năm liền, chi bộ được Ban thường vụ huyện ủy công nhận từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng. Cụ thể:

Công đoàn trường phối hợp với Hiệu trưởng đã thực hiện tốt các phong trào do Công đoàn ngành giáo dục Đắk Nông tổ chức. Nổi bật nhất là các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ đoàn viên bệnh hiểm nghèo, đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, thúc đẩy các hoạt động chuyên môn, giúp đoàn viên định hướng tốt trong công tác để đảm bảo thực thi tốt pháp luật và nội dung các cuộc vận động, tham gia và hoàn thành nhiệm vụ của Công đoàn và nhà trường. Kết quả phân loại các năm học đều hoàn thành tốt nhiệm vụ;

Đoàn thanh niên phối hợp với Hiệu trưởng đã tổ chức nhiều hoạt động cho học sinh trong nhà trường nhân các ngày Lễ trong năm, đoàn thanh niên tham gia thăm, viếng và dọn vệ sinh các địa chỉ đỏ trong huyện nhà. Kết quả của Đoàn, đội trong các năm qua: Đoàn thanh niên hoàn thành xuất sắc và được Huyện đoàn tặng giấy khen trong năm học 2020- 2021, 2021- 2022; Liên đội hoàn thành xuất sắc và được Huyện đoàn tặng giấy khen trong các năm học 2017 – 2018, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; Năm học 2017 – 2018 Liên đội được Tỉnh Đoàn tặng bằng khen.

Như vậy các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình và thực hiện các nhiệm vụ chính trị xã hội, giúp cho công tác và hoạt động chung của nhà trường ngày càng phát triển [H1-1.3-05]. [H1-1.3-06].

## **2. Điểm mạnh**

- Chi bộ Đảng thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các chủ trương lớn trong phát triển sự nghiệp của nhà trường;

- Tổ chức Công đoàn đã thực hiện tốt chức năng chăm lo, bảo vệ quyền lợi người lao động đồng thời làm tốt công tác phối hợp với nhà trường thực hiện các chế độ chính sách, các phong trào thi đua,... góp phần vào việc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyên môn của công đoàn viên;

- Tổ chức Đoàn thanh niên - Đội thiếu niên đã phối hợp với nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh và tổ chức các hoạt động phong trào thu hút đông đảo học sinh cùng tham gia tạo ra được sân chơi bổ ích, góp phần làm phong phú hoạt động giáo dục, bảo toàn văn hóa các dân tộc.

## **3. Điểm yếu**

- Cán bộ cốt cán, lãnh đạo các đoàn thể còn kiêm nhiệm nhiều việc nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả công việc;

- Do đặc thù 2 cấp học, độ tuổi có chênh lệch nhiều nên việc tổ chức các hoạt động cho học sinh chưa được phong phú và đa dạng.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Lãnh đạo nhà trường tạo điều kiện để Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể được tham gia học tập ở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ, từng bước nâng cao nghiệp vụ và tích lũy kinh nghiệm trong hoạt động;

- Đổi mới hình thức tổ chức và nội dung các hoạt động Đoàn, Công đoàn để cuốn hút đoàn viên công đoàn tham gia nhiệt tình hơn.

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

#### **Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được Giám đốc SGD&ĐT bổ nhiệm theo đúng quy định [H1-1.4-01];



b) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng và các tổ khác theo đúng quy định của điều lệ trường trung học [H1-1.4-02];

c) Ngay từ đầu năm học, dựa vào nhiệm vụ năm học, các tổ chuyên môn lập kế hoạch cho cả năm học và từng đợt thi đua với các nội dung cụ thể nhằm bồi dưỡng năng lực sư phạm, nghiệp vụ cho giáo viên bằng các chuyên đề, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, hội giảng, hội thi giáo viên dạy giỏi... nhằm vừa phát huy năng lực cá nhân vừa là để đồng nghiệp học hỏi, đánh giá rút kinh nghiệm;

Tổ văn phòng, mỗi thành viên có kế hoạch riêng hoạt động theo đặc trưng riêng của mỗi bộ phận đảm bảo theo đúng qui định Điều lệ trường trung học, với nhiệm vụ rà soát, kiểm tra, bổ sung các thiết bị, tài sản phục vụ chuyên môn được thực hiện thường xuyên trong mỗi năm nhằm đảm bảo hoạt động dạy học của nhà trường.[H1-1.4-03] ;

Mức 2:

a) Đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, kế hoạch cá nhân của tổ viên, tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phân công viết chuyên đề mỗi năm 02 chuyên đề trên một tổ, viết sáng kiến, làm nghiên cứu khoa học ứng dụng, lên kế hoạch phân công Hội giảng, dự giờ nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.4-04];

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng thường xuyên được kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh. Cuối mỗi tháng đều có đánh giá kết quả hoạt động chuyên môn trong tháng. Cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học có tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình bầu, xếp loại thi đua [H1-1.4-05].

## **2. Điểm mạnh**

- Cơ cấu tổ chức đảm bảo theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn nên sự vận hành của nhà trường đảm bảo chặt chẽ, khoa học; việc thực hiện kế hoạch của nhà trường đảm bảo xuyên suốt và thống nhất từ trên xuống dưới.

- Đội ngũ cán bộ cốt cán đều có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

## **3. Điểm yếu**

Sinh hoạt của tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa chuyên sâu vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu; số lượng giáo viên từng môn ít, dạy nhiều khối, nhiều môn chỉ một giáo viên nên việc dự giờ, góp ý giờ dạy, sinh hoạt chuyên đề hiệu quả chưa cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, từng bước cải tiến hình thức và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp theo chương trình GDPT 2018 .

- Nhà trường tạo điều kiện để giáo viên được tham gia đầy đủ các đợt bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn đồng thời liên kết với các trường trong địa bàn

huyện, tạo điều kiện để giáo viên được tham gia sinh hoạt chuyên môn nhằm trao đổi và tích lũy kinh nghiệm trong giảng dạy, giáo dục và nghiên cứu.

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                  |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|------------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt   |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Không đạt</b> |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Không đạt</b> |
| c          | <b>Đạt</b>     | –                |                |                  |                  |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Không đạt</b> |                  |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

#### Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- Có đủ các lớp của cấp học;
- Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 2 cấp học: THCS và THPT. Cấp THCS có đủ 4 khối và cấp THPT có đủ 3 khối; mỗi khối có 1 lớp, mỗi lớp trung bình có 30 học sinh.

b) Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó được chia thành 04 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học.

c) Giáo viên chủ nhiệm quản lí học sinh theo nguyên tắc tự quản, dân chủ trên cơ sở nội quy của nhà trường, nội quy của lớp xây dựng đầu năm học, tham gia các hoạt động do Đoàn trường tổ chức. Các tiết sinh hoạt do GV chủ nhiệm lớp điều hành, giải quyết những công việc chung của lớp. Cuối học kì, năm học học sinh tự đánh giá, nhận xét, xếp loại và làm cơ sở để giáo viên chủ nhiệm đánh giá.

Các nội dung trên được thể hiện qua: Sổ đăng bộ, sổ chủ nhiệm và sổ điểm lưu tại phòng văn thư nhà trường.

Mức 2:

Trường có 7 lớp học (từ lớp 6 đến lớp 12). Sĩ số học sinh trong lớp hàng năm được UBND tỉnh quy định tuyển không quá 30 HS (từ năm học 2021-2022 trở về trước).

Mức 3:

Trường có 7 lớp học (từ lớp 6 đến lớp 12). Sĩ số học sinh trong lớp không quá 35 em (theo quy định của Điều lệ trường chuyên biệt); đã được Sở GD&ĐT phê duyệt hàng năm.

## 2. Điểm mạnh

- Biên chế tổ chức lớp học, sĩ số học sinh trong một lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học.

- Số lớp phù hợp với điều kiện nhà trường, thuận lợi cho tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

- Số lượng học sinh mỗi lớp đảm bảo thuận lợi trong dạy học và giáo dục (mỗi lớp không quá 30 học sinh).

## 3. Điểm yếu

Kĩ năng tự điều hành và tự sinh hoạt tập thể ở lớp 6, lớp 7, học sinh đồng bào còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Đoàn trường tập huấn kĩ năng điều hành, quản lý cho ban cán sự lớp. Nhằm rèn luyện kĩ năng sinh hoạt tập thể.

- Làm phong phú các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh nâng cao kĩ năng sống.

## 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt mức 3.**

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống các loại hồ sơ sổ sách theo quy định tại điều 21 của Điều lệ trường trung học. Hệ thống hồ sơ sổ sách nhà trường đã thực hiện bao gồm:

- Sổ đăng bộ, học bạ học sinh, sổ ghi đầu bài, sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ, sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến, Sổ theo dõi và đánh giá học sinh: được lưu trữ ở phòng văn thư.

- Hồ sơ kiểm tra, đánh giá CB, GV, NV lưu tại hồ sơ cá nhân tại phòng văn thư.

- Hồ sơ quản lý thiết bị giáo dục: Lưu tại phòng thiết bị.

- Hồ sơ quản lý thư viện: Lưu tại phòng thư viện.

- Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính: lưu tại phòng kế toán.

- Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh: Lưu tại phòng y tế.

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (theo năm học): Lưu tại phòng văn thư và ban giám hiệu phụ trách.

- Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh: Lưu tại phòng văn thư.

- Sổ quán lí học sinh ăn ở nội trú, sổ theo dõi thực phẩm hàng ngày (hồ sơ kiểm thực 3 bước): lưu tại phòng y tế.

- Sổ nghị quyết của nhà trường: Lưu tại phòng văn thư.

b) Hàng năm sau khi nhận kinh phí nhà nước cấp, nhà trường lập dự toán (phương án tự chủ) ngân sách để thực hiện thu chi, quyết toán theo đúng chế độ kế toán [H1-1.6-02a].

Qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm xây dựng một cách dân chủ (thông qua hội nghị toàn cơ quan đầu năm tài chính), có điều chỉnh bổ sung (hội nghị Cán bộ, viên chức, người lao hoặc các lần họp cơ quan) để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-02b].

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được thực hiện nghiêm túc; chế độ của CB, GV, NV được đảm bảo đúng định mức, đúng chế độ tài chính, mọi chi tiêu thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ; việc mua sắm vật tư, sửa chữa tuân thủ theo quy định tài chính như từ đề xuất đến xuất kho đều khách quan, minh bạch; tài sản công được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả; công khai tài chính, CSVC rõ ràng đúng theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT; hàng năm qua thông báo Sở GD&ĐT về việc xét duyệt quyết toán ngân sách, nhà trường không có sai phạm [H1-1.6-02a]; nhà trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản hàng năm [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý tài sản, tài chính MISA.

b) Trong 5 năm qua, qua công tác kiểm tra nội bộ cũng như kiểm tra của Sở GD&ĐT, qua kiểm tra không có vi phạm nào thuộc hoạt động hành chính, tài chính, tài sản [H1-1.6-02a].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch xin vận động tài trợ, kế hoạch thu, chi các khoản thỏa thuận để tạo các nguồn tài chính hỗ trợ cho CSVC và hoạt động giáo dục [H1-1.6-04].

## **2. Điểm mạnh**

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng nguyên tắc; Hồ sơ tài chính đầy đủ.

- Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Việc vận động nguồn lực bên ngoài, cha mẹ học sinh tạo thêm nguồn tài chính còn khó khăn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động đến toàn xã hội để huy động nguồn lực tài chính từ bên ngoài.

- Chuyển đổi số trong việc lưu trữ, quản lý hồ sơ.

## **5. Tự đánh giá:**

| <b>Mức 1</b> |                | <b>Mức 2</b>     |                | <b>Mức 3</b>     |                |
|--------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a            | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b            | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c            | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b>   |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

### **Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Hàng năm, nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường. Ngoài ra, nhà trường còn khuyến khích giáo viên tự học, tự tham gia bồi dưỡng các lớp liên quan đến công tác chuyên môn và nghiệp vụ [H1-1.7-01];
- b) Ngay đầu năm học, căn cứ vào vị trí việc làm của từng CB, GV, NV, Hiệu trưởng ban hành quyết định quy chế làm việc cho CB, GV, NV và quyết định phân công giảng dạy, kiêm nhiệm, chủ nhiệm cho CBQL, GV. Việc phân công đảm bảo đúng chuyên môn được đào tạo và phù hợp với vị trí việc làm [H1-1.7-02];
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được đảm bảo các quyền lợi theo Điều 29 của Điều lệ trường học. Điều này thể hiện qua quy chế làm việc, quy chế dân chủ, báo cáo thực hiện quy chế dân chủ, ý kiến của đoàn viên lao động, biên bản xác nhận về việc chi trả chế độ chính sách cho CB, GV, NV hàng năm, đặc biệt trong các năm học vừa qua không có khiếu nại, kiến nghị gửi về cấp trên [H1-1.7-03];

## Mức 2:

Hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao, báo cáo sơ kết, tổng kết và thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng theo đúng quy định, qua đó đề ra các biện pháp tốt để tập hợp, tạo cơ hội cho mọi thành viên của trường phát huy hết khả năng sáng tạo trong các hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Việc kiểm điểm góp ý có tính chất xây dựng, bình xét thi đua có tính khách quan, ưu/khuyết điểm được công khai toàn trường [H1-1.2-04].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường phân công, sử dụng đội ngũ rõ ràng, hợp lý, phát huy được năng lực, sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo hiệu quả công việc.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định.

### **3. Điểm yếu**

Khó khăn trong công tác trao đổi kinh nghiệm, tham gia bồi dưỡng. Lý do là đa số các môn học chỉ có một giáo viên nên việc tham bồi dưỡng chuyên môn ảnh hưởng đến phân công giảng dạy, số tiết nghĩa vụ chưa cân đối.

Một vài giáo viên lớn tuổi ngại đổi mới, hạn chế sử dụng công nghệ thông tin nên việc bồi dưỡng thường xuyên chưa hiệu quả.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Định kỳ rà soát việc thực hiện nhiệm vụ được giao, chú trọng tự kiểm tra và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của từng thành viên, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế;

Nhà trường tiếp tục đảm bảo các điều kiện về CSVC, có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ CB-GV-NV;

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trong các tổ chuyên môn để nâng chất lượng giảng dạy;

Đi sâu vào phát triển năng lực của từng giáo viên, phát huy năng lực tự học của giáo viên, kích thích giáo viên tích cực đổi mới sáng tạo trong giảng dạy và không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn.

Phân công hướng dẫn giúp đỡ trong chuyển đổi số theo hướng sơ đồ hình nón; giao nhiệm vụ cụ thể và chỉ tiêu cụ thể đối với mỗi nhân viên tổ văn phòng, qua đó để xem xét thi đua khen thưởng.

### **5. Tự đánh giá:**

| <b>Mức 1</b> |                | <b>Mức 2</b>     |                | <b>Mức 3</b>     |                |
|--------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo      | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a            | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b            | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c            | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b>   |                | <b>Đạt</b>       |                |                  |                |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của SGD&ĐT để xây dựng kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục được đưa ra góp ý, thảo luận và thống nhất một cách công khai dân chủ nên phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Kế hoạch được xây dựng dựa theo khung chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học [H1-1.8-01].

b) Trên cơ sở kế hoạch giáo dục năm học, mỗi lĩnh vực, mỗi cá nhân/tổ chức phụ trách lên kế hoạch để cụ thể hóa, từ đó tổ chức thực hiện. Như kế hoạch chuyên môn, kế hoạch bảo quản tu sửa CSVG, kế hoạch quản lý, nuôi dưỡng học sinh nội trú, kế hoạch của mỗi đoàn thể, tổ chuyên môn, . . . Tất cả kế hoạch được cụ thể hóa theo từng học kỳ từng tháng, từng tuần và đã được thể hiện đầy đủ [H1-1.1-05], [H1-1.8-02], [H5-5.1-01], [H5-5.2-01],[H5-5.2-02],[H1-1.4-02],[H1-1.4-03],[H1-1.4-04],[H1-1.3-02],[H1-1.3-03]; [H1-1.8-02].

c) Hàng tháng nhà trường tổ chức họp Hội đồng sư phạm vào đầu tháng để đánh giá lại những hoạt động trong tháng, đồng thời tiếp thu những ý kiến của giáo viên, nhân viên để bổ sung vào kế hoạch hoạt động của tháng kế tiếp [H1-1.8-03].

Mức 2:



Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra nội bộ theo các nội dung đã đề ra trong kế hoạch;

Nhà trường tổ chức học 2 buổi/ngày nên không tổ chức học thêm.

## 2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đảm bảo khoa học, chi tiết, có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn nhà trường, được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời tạo động lực cho CB, GV, NV phát huy sở trường công tác.

## 3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra đánh giá đôi lúc chưa kịp thời và chưa thường xuyên.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công tác kiểm tra đánh giá phải kịp thời, phải làm thường xuyên và chặt chẽ hơn. Định kỳ rà soát, nghiêm túc, khách quan trong kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm, đưa ra được các giải pháp để quản lý các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả.

## 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                |                  |                |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

### Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường tổ chức Hội nghị công nhân viên chức ngay đầu năm học, tại Hội nghị cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như: Quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ cơ sở, quy tắc ứng xử; thông qua Nghị quyết hội nghị, trả lời ý kiến của đoàn viên lao động [H1-1.7-02],[ [H1-1.6-02]; [H1-1.9-01];

b) Nhận thức rõ vai trò của việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh nên nhà trường luôn thực hiện theo đúng quy trình. Nhà trường tiếp thu mọi ý kiến phản ánh của CB,GV, NV thông qua cuộc họp hay kiến nghị bằng văn bản, đều được nhà trường quan tâm, giải quyết hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật. Chính vì vậy, nội bộ nhà trường đoàn kết, không có đơn thư, khiếu nại hay đơn thư vượt cấp. Nhà trường đã xây dựng được môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng [H1-1.9-01].

c) Hằng năm, nhà trường báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong Hội nghị công chức, viên chức và người lao động[H1-1.9-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả[H1-1.3-02].

Trong tất cả các năm học, nhà trường đều công khai các khoản thu, chi được theo đúng quy định (trên <http://ptdntdakmil.daknong.edu.vn/>).

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc điểm và tình hình riêng của đơn vị. Việc xây dựng các quy định, quy chế, quy ước đã làm cho tập thể nhà trường thể hiện rõ hơn tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lý, qua đó củng cố lòng tin của tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ.

## **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên, nhân viên còn thụ động trong việc phát huy quyền làm chủ tập thể, chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

Ban thanh tra nhân dân chưa nắm đầy đủ nhiệm vụ của mình.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học tập nâng cao trình độ của bản thân về mọi lĩnh vực để tích cực, tự tin đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của đơn vị;

Tăng cường việc trao đổi góp ý qua hòm thư điện tử hoặc qua zalo nhóm của trường,...;

Ban thanh tra nhân dân tập huấn nhằm nâng cao trình độ, nghiệp vụ và tăng cường công tác giám sát.

## 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                |                  |                |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

### **Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường đã bám sát các văn bản cấp trên để chỉ đạo kịp thời các tổ chức đoàn thể, tổ quản lý và chăm sóc sức khỏe nội trú, các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03].

Nhà trường tổ chức quản lý học sinh ăn, ở nội trú 24/24 tại trường; xây dựng nội quy nội trú, tổ chức các hoạt động nội trú. Bếp ăn, nhà ăn cho HS được xây dựng đúng quy cách và đảm bảo đúng quy trình nấu ăn, đồng thời có đầy đủ hồ sơ chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, hằng ngày Tổ kiểm thực thực hiện kiểm tra theo đúng 3 bước; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường xây dựng hộp thư góp ý, sẵn sàng tiếp nhận thông tin phản ánh của cha mẹ học sinh, học sinh, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên. Thông qua các cuộc họp ban đại diện cha mẹ học sinh, nhà trường lắng nghe ý kiến góp ý từ cha mẹ học sinh và tiến hành giải đáp các ý kiến phản hồi một cách nhanh chóng, trung thực, khách quan, thấu tình, đạt lý [H1-1.10-05].

c) Là một trường chuyên biệt, đa số học sinh là các dân tộc thiểu số, đến từ nhiều địa bàn khác nhau, kinh tế và hoàn cảnh gia đình khác nhau nhưng giữa các em không có sự kì thị dân tộc, vùng miền, cũng như không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường . [H1-1.10-07].

Mức 2:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp với công an thị trấn, công an huyện Đăk Mil tổ chức tập huấn tuyên truyền đến CB-GV-NV và HS trong nhà trường về an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

Cử giáo viên dạy GDTC đi tập huấn về tập huấn lại cho CB-GV-NV và HS trong nhà trường kĩ năng phòng chống đuối nước, Nhân viên Y tế nhà trường kết hợp với trung tâm y tế huyện tuyên truyền chống dịch sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp cấp Covid - 19 thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ hoặc qua phát thanh tuyên truyền của Đoàn-Đội, sinh hoạt nội trú định kì [H1-1.10-03], [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có bảo vệ, phân công hai giáo viên trực quản lý học sinh ăn ở nội trú hằng ngày 24/24h, có đội cờ đỏ, gắn camera an ninh khu nội trú, khu học tập để thường xuyên theo dõi phát hiện những học sinh có biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, thông tin kịp thời trên tin nhắn trên Zalo nhóm trường để GVCN, giáo viên quản lí phòng ở, Đoàn thanh niên có biện pháp xử lý ngăn chặn kịp thời, hiệu quả (Thông qua lịch trực ban ngày, ban đêm đôi với GV). [H1-1.10-06].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các phương án đảm bảo an ninh trật tự thông qua việc phối hợp với Công an thị trấn Đăk Mil và lên kế hoạch của đơn vị; Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường được xây dựng và thực hiện có hiệu quả với nhiều hình thức phong phú, đa dạng giúp học sinh hiểu rõ, nắm vững và tuân thủ thực hiện. Nhà trường lắp đặt camera khu ăn ở nội trú, phòng học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tạo môi trường giáo dục an toàn, góp phần thuận lợi cho công tác giáo dục, chăm sóc học sinh.

### 3. Điểm yếu

Các phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống cháy nổ còn ít;

Công tác tập huấn phòng chống cháy nổ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh chưa được được thường xuyên.

Tác phong sinh hoạt của học sinh chưa được như mong muốn.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Thường xuyên giáo dục pháp luật cho học sinh, thông qua các tiết học, chào cờ, tiết sinh hoạt lớp, các buổi ngoại khóa, sinh hoạt nội trú. Xây dựng nội dung giáo dục ngắn gọn, thiết thực, hợp lí, hấp dẫn và sinh động để thu hút học sinh tham gia.

- Tăng cường phối hợp với Công an huyện trong việc bảo đảm an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường, xây dựng các cam kết về đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trường học và yêu cầu học sinh kí và thực hiện nghiêm các cam kết này.

- Phân công giáo viên giám sát, trích xuất camera hằng ngày và cùng với Đoàn thanh niên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, theo dõi sát sao tình hình của học sinh và có biện pháp giáo dục kịp thời khi học sinh có biểu hiện vi phạm nội quy;

- Nhà trường phối hợp với gia đình và xã hội tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức rèn luyện đạo đức của học sinh.

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                |                  |                |

**Kết quả: Đạt Mức 2.**

**Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

**\* Đánh giá chung:**

- Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược và phát triển phù hợp với mục tiêu, điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Các hội đồng được thành lập, hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và hiệu quả;

- Đội ngũ cán bộ có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm;

- Chi bộ đảng nhiều năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ, Đoàn thanh niên và đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh nhiều năm đạt xuất sắc, Công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Quản lí, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng nguyên tắc, công tác công khai được đảm bảo theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra giám sát;

- Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hợp lí, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Phân công nhiệm vụ, vị trí việc làm phù hợp với sở trường, năng lực mỗi cá nhân;

- Công tác thi đua, khen thưởng được coi trọng và thực hiện công bằng, khách quan;

- Quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với đặc điểm và tình hình riêng của đơn vị. Việc xây dựng các quy định, quy chế, quy ước đã làm cho tập thể nhà trường thể hiện rõ hơn tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, đảm bảo được sự công bằng, minh bạch trong quản lí, qua đó củng cố lòng tin cả tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường;

- Là một trường chuyên biệt có hai cấp học và đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ nuôi và dạy nên cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên phải thực hiện nhiều công việc nên hiệu quả công việc đạt chưa cao;

- Trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ, vẫn còn có một số giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia đóng góp ý kiến;

- CSVC xây dựng lâu năm nên không đồng bộ, thiết bị dạy học chưa đảm bảo, phòng học bộ môn, phòng chức năng khác còn thiếu, hàng rào xung quanh trường chưa đảm bảo an toàn;

- Một vài giáo viên sử dụng công nghệ thông còn hạn chế trong công tác;

**\* Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt mức 1, mức 2 và mức 3 như sau:**

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %;

- Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %;

- Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %;

- Đạt Mức 3: 3/5 tiêu chí chiếm 60%.

**\* Kết quả: Tiêu chuẩn 1 đạt mức 2.**

## **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh**

### **Mở đầu:**

Cán bộ quản lí nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuẩn, có năng lực, tận tụy, hết lòng với công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lí, giảng dạy và giúp đỡ tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo yêu cầu quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng

cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt nên hàng năm có nhiều giáo viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, bằng khen các cấp.

Mỗi đoàn kết nội bộ trong nhà trường được đẩy mạnh và phát triển không ngừng. Tập thể CB, GV, NV trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

### **Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng được Giám đốc SGD&ĐT tỉnh Đắk Nông ra Quyết định bổ nhiệm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo qui định của Điều lệ trường trung học: trình độ đào tạo, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có năng lực quản lý, đủ sức khoẻ theo yêu cầu, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-01];

Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Chuẩn hiệu trưởng trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên cấp THPT và đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng có kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân; cập nhật kịp thời các yêu cầu đổi mới của ngành về chuyên môn, nghiệp vụ. Có tinh thần đổi mới, sáng tạo trong việc vận dụng các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bản thân [H2-2.1-03];

Hiệu trưởng có trình độ Cử nhân chuyên ngành Toán và 01 Phó hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ quản lí giáo dục, 01 Phó hiệu trưởng còn lại có trình độ cử nhân sư phạm Toán. Lãnh đạo nhà trường đã được bồi dưỡng qua lớp quản lý giáo dục, bồi dưỡng lớp Quốc phòng- An ninh đối tượng 3 và có trình độ Lý luận chính trị Cao cấp (đối với Hiệu trưởng), Trung cấp (đối với Phó hiệu trưởng) [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 03 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng có văn bằng CCLLCT và BD kiến thức ANQP và 02 Phó hiệu trưởng có văn bằng TLLCT và BD kiến thức ANQP, căn cứ vào đó Giám đốc SGDDT bổ nhiệm [H2-2.1-01];

Cuối năm nhà trường tổ chức cuộc họp góp ý, tập thể GV, NV có ý kiến đóng góp cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng [H2-2.1-04].

## 2. Điểm mạnh

Đội ngũ quản lí của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm, thúc đẩy quá trình đổi mới quản trị hoạt động dạy học và giáo dục học sinh hiệu quả.

## 3. Điểm yếu

Còn hạn chế trong việc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số trong giao tiếp trao đổi với học sinh.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Cán bộ quản lí nhà trường tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm vượt khó trong công tác lãnh đạo, quản lí nhà trường.

- Có kế hoạch tăng cường bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, tiếng dân tộc thiểu số và tìm hiểu, nắm rõ những phong tục tập quán của học sinh thuộc các thành phần dân tộc khác nhau đang học tập tại trường để phục vụ tốt hơn cho công việc quản lí.

## 5. Tự đánh giá :

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Không</b>   |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     | —                | —              |
| c          | <b>Đạt</b>     | —                | —              | —                | —              |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Không</b>     |                |

**Kết quả: Đạt Mức 2**



## **Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

### Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định (tạm ngưng);
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

### Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp (tạm ngưng);
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

### Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### Mức 1:

- Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục (thông qua quyết định phân công vị trí việc làm cho GV) [H2-2.2-01].

- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, cụ thể có 17 giáo viên có trình độ đại học và 01 giáo viên có trình độ thạc sĩ (thông qua thông báo kết luận kiểm tra hồ sơ GV) [H2-2.2-02].

- Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định [H2-2.2-02].

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Đội ngũ giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H2-2.2-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tất cả GV đều phân loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-05].

## 2. Điểm mạnh

- Chỉ tiêu biên chế giáo viên trong trường đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu cho tất cả các môn học. Tất cả GV có phẩm chất đạo đức tốt, đa số giáo viên trẻ, năng động nhiệt huyết có ý thức cầu tiến, không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Từ đó giáo viên có thể chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân;

- Nhiều giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp huyện có uy tín được đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh tin tưởng.

## 3. Điểm yếu

Nhiều giáo viên làm công tác kiêm nhiệm cũng như công tác phong trào nên cũng ảnh hưởng nhiều đến chất lượng trong công tác chuyên môn; một giáo viên dạy nhiều khối lớp, có giáo viên dạy cả 2 cấp THCS và THPT.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì đủ số lượng, cơ cấu giáo viên cho tất cả các môn học.

- Quan tâm động viên giáo viên làm công tác kiêm nhiệm Đoàn, Đội, Công đoàn và giáo viên chủ nhiệm.

- Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Tham gia dự giờ học hỏi các trường bạn.

## 5. Tự đánh giá :Đạt Mức 2

|              |              |              |
|--------------|--------------|--------------|
| <b>Mức 1</b> | <b>Mức 2</b> | <b>Mức 3</b> |
|--------------|--------------|--------------|

| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     | c                | <b>Đạt</b>     | –                | –              |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Không đạt</b> |                |

### **Kết quả: Đạt Mức 2.**

#### **Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trong những năm gần đây số lượng nhân viên phụ trách các bộ phận của trường đầy đủ theo quy định Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, bao gồm 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên tạp vụ, 01 nhân viên bảo vệ, 04 nhân viên cấp dưỡng [H2-2.3-01];

Đội ngũ nhân viên nhà trường đều có chứng chỉ đào tạo đúng chuyên ngành theo vị trí công việc và được phân công thực hiện nhiệm vụ đúng chuyên môn, năng lực của từng cá nhân [H2-2.3-02].

Tất cả nhân viên nhà trường đều có ý thức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. [H2-2.3-03].

Mức 2:

Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định [H2-2.3-01];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến nay, không có nhân viên bị kỷ luật [H2-2.3-04].

Mức 3:

Nhân viên nhà trường có trình độ theo đúng chuyên môn và được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc; Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H2-2.3-02].

Nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên cụ thể như sau: kế toán trình độ đại học, y tế trình độ trung cấp chuyên nghiệp nên đã đảm bảo được chuyên môn và đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.3-02].

Hàng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, trong đó nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ và tập huấn phòng cháy chữa cháy định kỳ [H2-2.3-02], [H2-2.3-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Tất cả nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Điểm yếu

Kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin vào công việc chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường học hỏi kinh nghiệm, công nghệ thông tin, thực hiện tốt công tác chuyển đổi số; tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo do ngành tổ chức.

5. Tự đánh giá

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |
| c          | <b>Đạt</b>     | –                | –              | –                | –              |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi, số lượng, thành phần dân tộc qui định tại Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về độ tuổi theo Điều 7 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.4-01]

Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011; Điều 34 của Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Điều 17 của quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học sinh trung học đảm bảo tính văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống của lứa tuổi học sinh trung học, chấp hành nghiêm các hành vi học sinh không được làm [H2-2.4-02].

Bên cạnh đó, thông qua công tác phổ biến tuyên truyền, giáo dục, học sinh được biết, nhà trường đảm bảo điều kiện để học sinh thực hiện đầy đủ các quyền quy định tại Điều 39 của Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011; Điều 35 của Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Điều 17 của quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Các quyền của học sinh được đảm bảo như:

+ Học sinh được học đầy đủ các môn học và tham gia đầy đủ các hoạt động để phát triển toàn diện; được học 2 buổi/ngày; phòng học được đảm bảo 1 phòng/lớp; các phòng hỗ trợ được đảm bảo cho các em học các môn học theo quy định; vệ sinh trường lớp, khuôn viên trường luôn được sạch sẽ, có nhà vệ sinh; từ 19 giờ tối, học sinh đến lớp tự học, thay cho việc tự học tại nhà; nhà trường công bố kết quả học tập và rèn luyện cuối kỳ, cuối năm tại lớp học, kết quả hoạt động khác đều được thông báo, đánh giá trước cờ và trao thưởng; mỗi lớp được trang bị 1 ti vi để giúp học sinh học tập và giải trí, thiết bị dạy học ở phòng máy, phòng tin

học, phòng thiết bị được giáo viên bộ môn và nhân viên thiết bị hướng dẫn cho học sinh phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao của nhà trường theo quy định.

Nhà trường ban hành quyết định về quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ để tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ; mỗi năm học nhà trường đều chỉ đạo GVCN để lấy ý kiến từ HS và CMHS, để học sinh được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; những học sinh có nhu cầu chuyển trường có lý do chính đáng đều được nhà trường giải quyết theo quy định hiện hành; trong việc tuyển sinh đầu cấp nhà trường đều thông báo rõ ràng về độ tuổi tuyển sinh theo Điều lệ trường học, không có trường hợp học sinh bị nhà trường từ chối khi nộp hồ sơ dự tuyển.

+ Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động để các em được tham gia nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật, như vào dịp 20/11, 26/3, 19/5, Tết trung thu, 30/4, . . .

+ 100% học sinh được nhận học bổng và chế độ chính sách đầy đủ theo Thông tư 109.

+ 100% được ăn, ở, sinh hoạt trong khu nội trú và được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

+ Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật

Kết quả, tất cả ý kiến của học sinh, cha mẹ học sinh và CB, GV, NV được nhà trường giải quyết và trả lời và thông qua báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ các năm học, các kế hoạch tổ chức các hoạt động cho học sinh [H2-2.4-03] và báo cáo tổng kết các năm học [H2-2.4-02].

Mức 2:

Nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong các hoạt động giáo dục học sinh, khi học sinh vi phạm các hành vi không được làm sẽ được thông báo cụ thể đến phụ huynh để có hướng hỗ trợ học sinh khắc phục, áp dụng các biện pháp kỷ luật tích cực và hình thức giáo dục phù hợp để các em có chuyển biến tích cực. 03 năm học gần đây không có học sinh vi phạm đến mức xử lý kỉ luật, chủ yếu là nhà trường phối hợp CMHS để giáo dục, tư vấn [H2-2.4-04].

Mức 3:

Học sinh đã đạt được nhiều giải thưởng, giấy khen và bằng khen khi tham gia các Hội thi do Trung Ương Đoàn, Tỉnh Đoàn Đắk Nông, huyện Đoàn Đắk Mil phát động và tổ chức, như:

+ Năm học 2020-2021: Đạt giải Nhất cấp tỉnh Cuộc thi video clip thiếu nhi các dân tộc Hát Quốc ca tại các địa chỉ đỏ “ Em yêu tổ quốc Việt Nam”; giải Nhì cấp huyện hội thi rung chuông vàng khối các trường THPT năm 2021;

+ Năm học 2021-2022, Đạt giải khuyến khích cấp tỉnh trong Liên hoan các Đội tuyên truyền măng non tỉnh Đắk Nông năm học 2021-2022; đạt giải B cấp tỉnh cuộc thi tiếng hát Măng non tỉnh Đắk Nông năm 2022; đạt 1 giải khuyến khích, 1

giải nhì cuộc thi vẽ tranh ATGT do Trung ương Đoàn phát động, Liên Đội nhận Bằng khen giải B Tập thể do TW Đoàn tặng và Bằng khen tập thể của Tỉnh Đoàn tặng [H2-2.4-05].

## 2. Điểm mạnh

Tuyển sinh đầu vào đảm bảo số lượng, độ tuổi, thành phần dân tộc và các quy định theo Phương án tuyển sinh hàng năm được cấp trên phê duyệt; 100% học sinh chấp hành nghiêm túc nội quy và các quy định tại trường. Tích cực trong học tập, tham gia tích cực trong các hoạt động, văn hóa, thể dục, hội thao và các cuộc thi cấp trên phát động.

## 3. Điểm yếu

Chất lượng tuyển sinh đầu vào còn thấp, một số học sinh chưa xác định đúng mục đích, động cơ học tập đúng đắn, chưa chủ động trong hoạt động tự học, tự rèn do đó kết quả học tập và rèn luyện chưa cao.

Các hoạt động thể thao chưa được phong phú, công tác dạy nghề làm vườn chưa được thực hành đầy đủ. Nguyên nhân là do diện tích khuôn viên trường còn hạn chế (khoảng 0.67 hecta).

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường tham mưu SGDDT để có phương án tuyển sinh đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo để có đủ diện tích và CSVC giáo dục nghề nghiệp và tổ chức các hoạt động thể thao đa dạng cho học sinh.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     | —                | —              | —                | —              |
| c          | <b>Đạt</b>     | —                | —              | —                | —              |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

**Kết luận về tiêu chuẩn 2:**

**\* Đánh giá chung:**

- Đội ngũ quản lý của nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm, thúc đẩy quá trình đổi mới quản trị hoạt động dạy học và giáo dục học sinh hiệu quả; đảm bảo giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục phù

hợp với phương pháp học tập đa dạng, nhu cầu, sở thích và mức độ sẵn sàng học tập của mỗi học sinh; kết quả học tập, rèn luyện của học sinh được nâng cao.

- Còn hạn chế trong việc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số trong giao tiếp trao đổi với học sinh.

- Việc tiếp thu bài học giữa các em học sinh dân tộc thiểu số khác nhau còn có sự chênh lệch.

**\* Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt mức 1, mức 2 và mức 3 như sau:**

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %;
- Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %;
- Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %;
- Đạt Mức 3: 2/4 tiêu chí chiếm 50%.

**\* Kết quả: Tiêu chuẩn 2 đạt mức 2.**

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

#### **Mở đầu:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có đầy đủ hệ thống cổng trường, biển tên trường, khối phòng học, khối phòng hành chính, khu nhà ăn, nhà nội trú, nhà đa năng đảm bảo phục vụ học sinh. Điều kiện CSVC của nhà trường đảm bảo phục vụ tốt qui mô hoạt động giáo dục của nhà trường. Hiện tại, nhà trường có các khối phòng phục vụ học tập (gồm nhà tập đa năng, thư viện, phòng hoạt động Đoàn thanh niên, phòng truyền thống...), khối phòng hành chính - quản trị (gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể CB, GV và NV, phòng y tế trường học), nhà trường có đủ phòng làm việc, có khu để xe, khu nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên...được bố trí khá hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc sử dụng và được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, có sân chơi bãi tập và cây xanh bóng mát, tạo môi trường xanh - sạch - đẹp- an toàn, đảm bảo điều kiện thuận lợi phục vụ dạy-học, đảm bảo cho mục tiêu phát triển chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thiết bị văn phòng và dạy học được trang bị tương đối đầy đủ để làm việc và phục vụ công tác dạy và học. Thư viện nhà trường được trang bị khá phong phú, tương đối đủ đầu sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục,...và mở cửa hoạt động hàng ngày trong tuần, đáp ứng nhu cầu đọc của giáo viên và học sinh.

Hệ thống thoát nước trong trường đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình CSVC và trang thiết bị dạy học của nhà trường nhằm có sự phân công quản lý, phụ trách, tu sửa, bảo trì kịp thời, sử dụng đúng, có hiệu quả, không lãng phí, làm cho những CSVC



hiện có của nhà trường phục vụ tốt, tối đa cho công tác dạy học. Sau đây là phần mô tả chi tiết cho từng tiêu chí.

### **Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m<sup>2</sup>/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m<sup>2</sup>/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Khuôn viên trường có hệ thống cây xanh, cây bóng mát, bồn hoa, cây cảnh đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01];

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tường bao quanh 3 mặt bằng gạch cao 1,5m và hàng rào bằng sắt cao 1,5m ở mặt trước của khuôn viên trường, đảm bảo cách biệt với các hoạt động bên ngoài tạo điều kiện thuận lợi cho quản lí học sinh trong cũng như ngoài giờ học [H3-3.1-02];

Nhà trường có 01 sân bóng chuyên, 01 hồ nhảy xa, 01 nhà đa chức năng thuận tiện cho các môn học như đá cầu, cầu lông và tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, ngoài giờ cho học sinh [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đảm bảo thực hiện thể dục, thể thao, tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho hơn 200 học sinh, [H3-3.1-03],[H1-1.6-04].

Mức 3:

Tổng diện tích khuôn viên là 6915m<sup>2</sup>, bình quân đạt trên 32m<sup>2</sup>/học sinh. Trong khuôn viên nhà trường có khu sân chơi, bãi tập có diện tích 2419m<sup>2</sup>, chiếm 35% tổng diện tích toàn trường, đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi của học sinh cũng như tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.6-04].

### **2. Điểm mạnh**

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch cải tạo và nâng cấp cảnh quan, môi trường và sân chơi bãi tập cho học sinh. cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, tạo môi trường học tập, sinh hoạt thân thiện, lành mạnh.

### **3. Điểm yếu**

- Do hạn chế về diện tích và nguồn vốn nên nhà trường vẫn chưa thể xây dựng được sân bóng đá mini, đường chạy, sân bóng rổ, khu hít xà đơn, xà kép... cho các hoạt động thể dục thể thao của học sinh

- Sân trường, sân tập thể dục bê tông đã lâu năm nên một số chỗ xuống cấp.

- Chưa có bãi tập dành riêng cho môn thể dục, quốc phòng.

- Có một phần diện tích khu sân chơi, bãi tập bề mặt gồ ghề, một số chỗ đọng nước về mùa mưa ảnh hưởng không tốt đến việc luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục khác của trường.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo để mở rộng khuôn viên nhà trường và thiết kế sân chơi, bãi tập riêng cho học sinh nội trú, cải tạo lại sân trường.

- Tích cực chăm sóc cây xanh, tạo dựng môi trường “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn” phục vụ tốt hơn các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Coi trọng và tổ chức thường xuyên việc rèn luyện cho học sinh ý thức tự giác bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Cán bộ phụ trách công tác lao động xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các giáo viên chủ nhiệm, các lớp định kỳ cắt tỉa, tạo hình, bón phân, tưới nước cho cây. Giáo viên chủ nhiệm các lớp triển khai và thực hiện nghiêm túc kế hoạch lao động, dọn vệ sinh khuôn viên nhà trường.

#### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     | –                | –              | –                | –              |
| c          | <b>Đạt</b>     | –                | –              | –                | –              |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt mức 3.**

#### Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có 07 phòng học, trong phòng có đủ bàn ghế loại 2 chỗ ngồi cho học sinh, phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết chống lóa. Mỗi phòng học được trang bị 01 tivi 55 inch, có quạt, đèn, cửa sổ đủ điều kiện ánh sáng và thoáng mát, đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày [H3-3.2-01];

Nhà trường có 01 phòng học bộ môn Tiếng Anh, 01 phòng Tin học; 01 phòng thực hành môn KHTN [H3-3.2-02];

Nhà trường có phòng thư viện, Đoàn – Đội kết hợp với phòng truyền thống [H3-3.2-03].

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên có hiệu quả [H3-3.2-01];

Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-03].

### **2. Điểm mạnh**

Trong mỗi phòng học đều có Tivi, đèn chiếu sáng, có quạt, bảng chống lóa đảm bảo đúng quy định. Có bàn ghế của học sinh, giáo viên đạt tiêu chuẩn đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT.

Hằng năm, nhà trường thường xuyên tu sửa, đầu tư CSVC và thiết bị dạy học; mua sách tham khảo để trang bị cho thư viện;

### **3. Điểm yếu**

Phòng học chưa đủ để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trường mới chỉ có 01 phòng thực hành dùng chung cho 3 môn Vật lý, Hóa học, Sinh học. Còn thiếu nhiều phòng học bộ môn như: Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật, KHXH.

Phòng dành riêng cho các tổ sinh hoạt chuyên môn còn thiếu.

Phòng Đoàn – Đội còn phải dùng chung với phòng Truyền thống.

Máy tính ở phòng học Tin học đã cũ và chất lượng hạn chế, số lượng chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương và cấp trên xây dựng thêm khối phòng học bộ môn, đầu tư CSVC, thiết bị dạy học cho nhà trường, trang bị thêm sách tham khảo cho thư viện; Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa trong giáo dục, kêu gọi sự hỗ trợ từ Ban

đại diện Cha mẹ học sinh để nâng cấp phòng học Tin học phục vụ dạy và học cho giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó chỉ đạo đội ngũ giáo viên, nhân viên tăng cường nâng cao hiệu suất sử dụng các thiết bị hiện có tại đơn vị và tăng cường làm đồ dùng dạy học .

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Không</b>   |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     | –                | –              |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Không</b>     |                |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

### Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng Công Đoàn, 01 phòng trực nội trú, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng Kế toán, 01 phòng Văn thư - thủ quỹ, 01 phòng Y tế, nhìn chung đáp ứng yêu cầu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-01];

Nhà trường có nhà để xe cho CB, GV, NV và được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, tuy nhiên diện tích còn nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu để xe cho toàn trường [H3-3.3-02];

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành mua sắm bổ sung các thiết bị cần thiết phục vụ cho khối hành chính - quản trị [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ phòng làm việc và các thiết bị theo quy định. Khu nhà nội trú học sinh đảm bảo nhu cầu ăn, ở của học sinh [H3-3.3-01]. Khu bếp nấu ăn, nhà ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã được Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.11-01].

Mức 3:

Khối hành chính quản trị được trang bị đầy đủ: máy tính, mạng internet, các thiết bị đồ dùng khác, được sắp xếp khoa học, hợp lí hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-04]

## 2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định, đáp ứng yêu cầu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Diện tích nhà để xe chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng. Một số máy tính, máy in và máy phô tô của khối phòng hành chính - quản trị đã bị hư hỏng cần được thay thế.

Còn thiếu phòng làm việc của thư kí hội đồng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên xây dựng khối phòng học bộ môn, hỗ trợ học tập để sắp xếp lại khối phòng hành chính, quản trị phù hợp đáp ứng nhu cầu làm việc của CB, GV, NV và các hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                | –                | –              |
| c          | <b>Đạt</b>     | –                | –              | –                | –              |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt mức 3.**

### Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

- b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;
- c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 01 khu vệ sinh riêng cho giáo viên, nhân viên gồm 02 phòng nam, nữ riêng biệt và 01 khu vệ sinh cho học sinh, hàng ngày đều được quét dọn đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên diện tích sử dụng khu nhà vệ sinh của học sinh chưa đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng; mỗi phòng ở của học sinh đều có phòng vệ sinh riêng, đảm bảo không ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận lợi và an toàn cho học sinh nội trú [H3-3.4-01];

Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo sinh hoạt và vệ sinh môi trường; trường có hệ thống nước giếng khoan đủ phục vụ nước sinh hoạt, có hệ thống nước sạch phục vụ nấu ăn và hệ thống máy lọc nước và đun sôi phục vụ nước uống cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02];

Trường ký hợp đồng thu gom rác thải hàng ngày với công ty thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

Trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-01].

Cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn có ý thức thu gom rác và xử lý chất thải trong ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-02], [H3-3.4-03].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ sở hạ tầng về vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo nhu cầu nuôi dạy và chăm sóc học sinh nội trú.

### **3. Điểm yếu**

Hệ thống nhà tắm, nhà vệ sinh của học sinh ở ký túc xá khối THCS đã xuống cấp nên hay bị tắc và thấm dột gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của học sinh.

Nhà vệ sinh dùng chung của học sinh chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Còn một số HS chưa có ý thức trong việc thu gom rác, bỏ rác đúng nơi quy định nên hiện tượng xả rác bừa bãi còn xảy ra.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tham mưu UBND huyện, SGD&ĐT đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh phòng ở của học sinh nội trú khối THCS và nhà vệ sinh dùng chung của học sinh.

Từng bước cải tạo khu vực vườn cây tạo cảnh quan nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Tăng cường các hoạt động giáo dục nâng cao ý thức học sinh về giữ gìn vệ sinh, môi trường, ý thức tiết kiệm điện nước qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt chủ nhiệm. Đồng thời xử lý nghiêm theo quy định các học sinh vi phạm để răn đe, giáo dục.

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     | –                | –              |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                |                  |                |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

#### Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường được trang bị đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ công việc theo vị trí việc làm. Máy tính, máy in, máy scan, máy tính phục vụ công tác quản lý và làm việc [H3-3.5-01];

Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, ngoài ra nhà trường còn trang bị thêm 07 tivi 55 inch cho mỗi phòng học nhằm hỗ trợ tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. [H3-3.5-02];

Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa và được bổ sung, thay thế để bảo đảm chất lượng làm việc và bảo quản tài sản công theo quy định [H3-3.5-03].

Mức 2:

Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học: Các phòng hành chính được kết nối internet, có hệ thống wifi dùng chung, phòng Tin học, phòng Lab được lắp đặt các gói Internet hợp đồng với các nhà mạng Vinaphone [H3-3.5-04].

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường hoạt động tốt, được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng quản lý cũng như dạy học, đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin phục vụ dạy học và quản lý của trường;

Thiết bị dạy học tương đối đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thiết bị dạy học của các phòng học bộ môn hiện có. [H3-3.5-01];

Hàng năm, các thiết bị dạy học luôn được kiểm tra và mua sắm bổ sung. Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể, chi tiết [H3-3.5-03].

## **2. Điểm mạnh**

Mỗi phòng học đều trang bị 01 màn hình Tivi hỗ trợ tốt vào việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường được được chú trọng, trang bị đầy đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng, hoạt động tốt, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải cách hành chính, giảng dạy, học tập.

Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể chi tiết. Thiết bị được mua sắm, sửa chữa, bổ sung hàng năm kịp thời.

## **3. Điểm yếu**

Nhu cầu về mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học rất lớn nhưng ngân sách có hạn nên chưa đáp ứng hết các yêu cầu của việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

Thiết bị dạy học khối THPT còn thiếu nhiều và chưa đáp ứng được nhiệm vụ dạy học.

Phong trào làm đồ dùng dạy học của giáo viên hàng năm chưa được chú trọng.

Thiết bị dạy học một số bộ môn đã cũ và hư hỏng nhiều.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**



Lãnh đạo nhà trường chủ động tham mưu với cấp trên, kết hợp với việc tiết kiệm chi thường xuyên, huy động nguồn xã hội hóa để thay thế, sửa chữa các thiết bị đã hư hỏng.

Tham mưu cấp trên xây dựng phòng học bộ môn và cấp trang thiết bị dạy học để đảm ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường.

Đẩy mạnh phong trào thi đua trong nhà trường để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có giá trị và đưa vào sử dụng thiết thực, hiệu quả.

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Không</b>   |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     | –                | –              |
| c          | <b>Đạt</b>     | c                | <b>Đạt</b>     | –                | –              |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Không</b>     |                |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

#### Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01];

Thư viện nhà trường mở cửa hoạt động hàng ngày trong tuần, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh [H3-3.6-02];

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-03].

Mức 2:

Nhà trường đã lập báo cáo [H3-3.6-07] và tờ trình [H3-3.6-09] đề nghị công nhận thư viện trường học đạt chuẩn Quốc gia theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông

## 2. Điểm mạnh

Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu, báo cho giáo viên và học sinh góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh

Việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

## 3. Điểm yếu

Số lượng đầu sách còn hạn chế nhất là sách tham khảo và các sách khoa học để học sinh, giáo viên tham khảo.

Diện tích thư viện chưa đáp ứng việc phục vụ đông đảo người đọc.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên đầu tư xây dựng mở rộng thư viện để đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

Tiết kiệm từ nguồn chi thường xuyên, huy động mạnh thường quân để bổ sung đầu sách và xây dựng thư viện đạt chuẩn theo quy định.

Phát động phong trào quyên góp xây dựng tủ sách thư viện đến toàn thể giáo viên, nhân viên và học sinh.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Không</b>   |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Không</b>     |                |

**Kết quả: Đạt mức 2.**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

\* **Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hệ thống công trường, biển tên trường, khu sân chơi, bãi tập, đảm bảo an toàn để học sinh luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Có đủ phòng học cho việc học 2 buổi/ngày, các phòng học đều có bảng viết, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh đầy đủ phù hợp với tầm vóc, độ tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Phòng học đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; có phòng học bộ môn Tin học, Tiếng anh và các phòng chức năng theo quy định.

Khối phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định, cùng trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi hoạt động chung của nhà trường.

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đều được kết nối internet và trang bị đầy đủ cho giáo viên, học sinh sử dụng, hoạt động tốt, ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải cách hành chính, giảng dạy, học tập, sinh hoạt.

Nhà trường có thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ trong việc giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, ứng dụng thực tiễn.

Về thư viện: Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hàng năm đáp ứng tương đối yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh; việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của học sinh.

Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ; cho CB, GV, NV và HS. Nhà trường có cơ sở hạ tầng về vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom rác thải đảm bảo nhu cầu nuôi, dạy học sinh. Cảnh quan nhà trường sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Khu vệ sinh được thiết kế riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên.

#### **\* Điểm yếu**

Trường có vị trí thuận lợi nhưng diện tích nhỏ nên chưa có khu sân chơi, bãi tập riêng biệt, khu vườn rau cây xanh để học sinh tập thể thao, giáo dục ý thức lao động và kỹ năng sống.

Trang thiết bị dùng cho khối hành chính – quản trị đã xuống cấp; máy tính ở phòng học Tin học có cấu hình thấp và thiếu; đầu sách tham khảo ở thư viện còn hạn chế; thiết bị dạy học các bộ môn khối THPT còn thiếu, khối THCS đã cũ và xuống cấp nhưng không có phòng bộ môn để sắp xếp và đưa vào sử dụng.

Nhà vệ sinh của học sinh ở ký túc xá khối THCS đã xuống cấp nên thường xuyên tắc và thấm dột ảnh hưởng đến sinh hoạt của học sinh.

**\* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:**

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%
- Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%
- Đạt Mức 3: 2/5 tiêu chí chiếm 40%

**\* Kết quả: Tiêu chuẩn 3 đạt mức 2.**

## **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

### **Mở đầu:**

Nhà trường được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của Cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của ban ngành đoàn thể đặc biệt là sự tin yêu, giúp đỡ của nhân dân, của phụ huynh học sinh. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp, công tác giáo dục kỹ năng sống, công tác vận động xã hội hóa, hỗ trợ CSVN phục vụ dạy học và ăn ở của học sinh tại trường... Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn ngày càng phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của Trường THPTNT THCS và THPT huyện Đắk Mil trong những NH đã được các cấp ghi nhận.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng gặp một số khó khăn như trình độ nhận thức về giáo dục của một số cha mẹ học sinh còn chưa đúng, còn đẩy hết trách nhiệm cho nhà trường trong công tác giáo dục cho học sinh. Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và một số tổ chức đoàn thể ở địa phương còn mang tính hình thức, thiếu chủ động và linh hoạt. Sau đây là phần mô tả chi tiết cho từng tiêu chí của tiêu chuẩn.

### **Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

#### Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

#### Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

#### Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### Mức 1:

Sau khi hội nghị đầu năm, BDD CMHS lớp và BDD CMHS trường đã được thành lập theo đúng Điều lệ. Mỗi BDD CMHS lớp gồm có 3 người, mỗi BDD CMHS trường gồm có 7 người. Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện

nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; cùng nhà trường tham gia huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, có ý định bỏ học tiếp tục học tập tại trường, nắm bắt hoàn cảnh học sinh kịp thời để có những hành động thiết thực nhằm giúp đỡ các em. [H4-4.1-01].

Sau khi thành lập, BDD CMHS trường xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ [H4-4.1-02].

Kế hoạch của Ban đại diện CMHS trường được triển khai thực hiện đúng tiến độ với sự phối hợp của CBQL nhà trường và đội ngũ GV/CN các lớp. Mỗi năm học, nhà trường tổ chức ít nhất 3 kỳ họp phụ huynh (đầu năm, giữa năm và cuối năm) để triển khai thực hiện kế hoạch đồng thời, trao đổi kết quả rèn luyện, học tập của HS, thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục HS [H4-4.1-03].

Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường phối hợp với nhà trường triển khai thực hiện các nội dung đề ra trong kế hoạch hoạt động theo quy định ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### Mức 2:

Trong quá trình hoạt động, Ban đại diện CMHS đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS thông qua việc lồng ghép vào các cuộc họp ở địa phương; Cùng nhà trường tham gia huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp, vận động tài trợ tu sửa, xây dựng nhà bảo vệ, vườn rau xanh [H4-4.1-04]

#### Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; cùng nhà trường tham gia huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, có ý định bỏ học tiếp tục học tập tại trường, nắm bắt hoàn cảnh học sinh kịp thời để có những hành động thiết thực nhằm giúp đỡ các em. Huy động sự giúp đỡ của phụ huynh trong việc tạo vườn rau xanh cho học sinh, xây dựng nhà bảo vệ, hỗ trợ học sinh trong các hoạt động như 20/11, 26/3.[H4-4.1-05]

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung và phương pháp giáo dục, đạt được một số kết quả

nhất định. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh; Thông tin kịp thời cho cha mẹ học sinh biết về kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của con em mình nhằm có những sự quan tâm và điều chỉnh phù hợp đối với học sinh

Lãnh đạo nhà trường thường xuyên có những cuộc họp, trao đổi với Ban đại diện cha mẹ học sinh, kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường. Cũng như được sự nhất trí đồng ý cao của các phụ huynh trong việc vận động tài trợ, thỏa thuận thu các khoản phục vụ học sinh nhằm để phục vụ tốt nhất cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh tại trường

### 3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

Một số đại diện cha mẹ học sinh của các lớp hoạt động chưa hiệu quả, chưa phối hợp chặt chẽ với Giáo viên chủ nhiệm để giáo dục học sinh.

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình, giao phó trách nhiệm hoàn toàn cho nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, cha mẹ học sinh thường xuyên liên lạc với giáo viên, với các tổ chức đoàn thể, tích cực phối hợp tham gia các hoạt động dạy và học, sinh hoạt tập thể của nhà trường. Bên cạnh đó có những sự hỗ trợ cần thiết trong khả năng của phụ huynh với các hoạt động của nhà trường

Nhà trường tăng cường trao đổi, nắm bắt thông tin kịp thời từ học sinh và cha mẹ học sinh để có những biện pháp phối hợp giáo dục phù hợp và kịp thời. Đảm bảo giáo dục toàn diện, phát triển mọi mặt cho từng học sinh về : thể chất, trí tuệ và tình cảm, phát triển đời sống tinh thần phong phú, phát huy năng lực, sức sáng tạo, biết chia sẻ, quan tâm đến môi trường, các vấn đề xã hội.

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

## **Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

### Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

### Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

### Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### Mức 1:

a) Nhằm thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, hằng năm lãnh đạo nhà trường trực tiếp tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược như: công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, công tác tuyển sinh, công tác phòng chống dịch bệnh [H4-4.2-01].

b) Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch, tổ chức các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-02].

c) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tài trợ trình Sở GDĐT phê duyệt, kế hoạch thu thỏa thuận để phục vụ học sinh. Sau đó tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra [H4-4.2-03].

### Mức 2:

a) Nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường với một số nội dung hoạt của nhà trường [H4-4.2-01].

b) Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Như phối hợp Trung tâm văn hóa truyền thông để thăm, viếng, vệ sinh các địa chỉ đỏ; tổ chức các hoạt động tình nguyện; Phối hợp đài truyền thanh truyền hình đăng tin bài về những tấm gương người tốt việc tốt của học sinh; liên hệ công an giáo dục pháp luật cho học sinh; liên hệ bộ đội tập huấn gấp chăn màn, tập huấn nề nếp quân đội; phối hợp cơ quan y tế thị trấn; phối hợp công an thị trấn,... [H4-4.2-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với đảng uỷ, chính quyền địa phương trong việc huy động học sinh tới trường. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức cá nhân và cộng đồng, huy động các nguồn lực để xây dựng CSVC nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp, an toàn. Phối hợp cơ quan y tế, công an, báo chí, truyền hình để tuyên truyền các nội dung phù hợp với học sinh và nêu gương các tấm gương điển hình, những hoạt động nổi bật của nhà trường. Tổ chức lễ tuyên dương học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập kịp thời, có mời phụ huynh của học sinh được tuyên dương, ban đại diện cha mẹ phụ huynh đến dự buổi lễ (thông qua sơ kết HKI và tổng kết năm học).

## **3. Điểm yếu**

Sự phối hợp giữa trường với các tổ chức xã hội ngoài trường đôi khi chưa được thường xuyên, chưa thu hút được nhiều nguồn đầu tư cho nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong NH 2021-2022 và các NH tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy Đảng; Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để xây dựng CSVC, trang thiết bị của nhà trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng và duy trì số lượng học sinh. Thường xuyên nêu gương “Người tốt, việc tốt” và kêu gọi giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tăng cường các hoạt động giáo dục trải nghiệm cho học sinh như: Tổ chức " Hành trình đến địa chỉ đỏ", hoạt động tình nguyện, hoạt động tăng cường sử dụng tiếng Anh trong môi trường học đường ...

Cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn tích cực, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

## **5. Tự đánh giá:**

| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
|-------|-------|-------|
|-------|-------|-------|



| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Không</b>   |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Không</b>     |                |

**Kết quả: Đạt Mức 2.**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

**\* Đánh giá chung:**

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu NH, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh. Giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất quan điểm, nội dung phương pháp giáo dục và đạt được nhiều kết quả rất khả quan. Nhà trường yêu cầu Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường, do đó đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tranh thủ được sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường cũng đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động chưa đều tay, công việc chủ yếu tập trung vào một số người. Một số thành viên ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp chưa thực sự nhiệt tình trong các hoạt động của lớp.

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình chỉ giao cho nhà trường.

Nhà trường chưa thật sự huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục.

**\* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:**

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 1/2 tiêu chí chiếm 50 %

**\* Kết quả: Tiêu chuẩn 4 đạt mức 2.**

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

## **Mở đầu:**

Trong những năm học qua, từ các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch năm học, kế hoạch các hoạt động giáo dục. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát huy phẩm chất năng lực của học sinh. Nhà trường luôn tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng chương trình, kế hoạch dạy và học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chấp hành đầy đủ, thực hiện nghiêm túc các quy định và sự chỉ đạo về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông. Duy trì các hoạt động thao giảng, dự giờ, viết sáng kiến/nghiên cứu khoa học, dự thi giáo viên giỏi các cấp, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý. Công tác chủ nhiệm, tư vấn và các hoạt động giáo dục pháp luật được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý học sinh, đồng thời kích lệ tinh thần của học sinh trong rèn luyện đạo đức và học tập.

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù, chăm sóc, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, giáo dục kỹ năng sống, chú trọng giáo dục địa phương, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh nhằm tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo. Từ đó giúp các em hiểu biết hơn và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống để tự biết điều chỉnh bản thân và có các hành vi ứng xử phù hợp.

Nề nếp, kỷ cương trong hoạt động dạy và học được giữ vững. Học sinh được học tập trong một môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện. Chính vì thế, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, chất lượng giáo dục trong các năm qua luôn luôn ổn định giữ vững và từng bước được nâng cao.

### **Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

#### Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

#### Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

Hằng năm, căn cứ vào khung thời gian năm học của Bộ GD&ĐT; UBND tỉnh Đắk Nông; các hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch năm học theo định hướng bám sát các mục tiêu giáo dục, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của các cấp và tinh thần Nghị Quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục PT với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), nhưng từ năm học 2020-2021 với khung thời gian 35 tuần (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần), đảm bảo tiến độ, nội dung chương trình, không cắt bỏ và kết thúc học kỳ I, kết thúc năm học theo quy định. [H5-5.1- 01].

Nhà trường ngoài việc thực hiện tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học mà còn chú trọng tổ các hoạt động giáo dục như Hoạt động ngoài giờ lên lớp, Giáo dục pháp luật, hướng nghiệp, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, các hoạt động vui chơi, giao lưu văn hoá, văn nghệ, TD-TT, giáo dục bảo vệ môi trường, bảo tồn và duy trì bản sắc văn hóa các dân tộc, hoạt động thiện nguyện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh và điều kiện của học sinh, của nhà trường bảo đảm mục tiêu giáo dục, thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03];[H5-5.1-04]; [H5-5.1-05]; [H5-5.1-06]

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

Giáo viên của nhà trường đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học từ tiếp cận kiến thức chuyển sang tiếp cận năng lực học sinh, thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp các hoạt động dạy và học hợp lý, phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình giáo dục. Vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.1-06]; [H5- 5.1-07].

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Nhà trường triển khai cho giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh.[H5-5.1-08]

Nhà trường đã thực hiện đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả: Ban hành Quyết định kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ và có các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh như kiểm tra viết, kiểm tra thực hành đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả [H5-5.1-09]

Các tổ chuyên môn, giáo viên đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình hiện hành. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập [H5-5.1-09]; [H5-5.1-10]

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

Hàng năm, trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục theo quy định. Đảm bảo thực hiện dạy đủ tất cả các bộ môn và các hoạt động giáo dục khác theo khung thời gian quy định chung trong toàn tỉnh.

Nhà trường tổ chức bàn giao chất lượng giáo dục cho tất cả giáo viên, với mục tiêu chất lượng được duy trì và tăng lên, các tổ chuyên môn đã chú trọng trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, tập trung thảo luận các giải pháp nâng cao chất lượng và phương pháp dạy học cũng như ôn tập phụ đạo phù hợp với từng đối tượng học sinh. [H5-5.1-11]

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Đầu mỗi năm học, nhà trường giao cho các giáo viên rà soát các đối tượng học sinh có năng khiếu, học sinh còn yếu, kém hoặc gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện để có kế hoạch thực hiện. Nhà trường phân đã phân công giáo viên ôn

tập, phụ đạo hoặc bồi dưỡng, rèn luyện, tập luyện cho các đối tượng học sinh nêu trên qua các tiết dạy buổi chiều và vào các ca trực nội trú. Do vậy, kết quả qua các cuộc thi đã có kết quả khả quan, không có học sinh bỏ học giữa chừng, học sinh lớp cuối cấp đậu tốt nghiệp 100%, điểm số tương đối cao, các cuộc thi đều tham gia, có giải, đặc biệt học sinh yêu thích ăn ở học tập tại trường. [H5-5.1-12]. [H5-5.1-13].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện việc rà soát, nhận xét đánh giá về các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách kịp thời qua mỗi hoạt động. Từ đó đưa ra các đánh giá về hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục đã thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh cho thời gian tiếp theo [H5-5.1-13]; [H5-5.1-14].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học theo quy định, sắp xếp, nội dung dạy học, xây dựng được chương trình giáo dục phù hợp.

Giáo viên nhà trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; luôn tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn trong từng tiết dạy và trong các hoạt động giáo dục.

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với yêu cầu của bộ môn, với đối tượng học sinh.

Nhà trường quan tâm, chú trọng việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng thực hiện việc ôn tập phụ đạo học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Nhìn chung chất lượng giáo dục của nhà trường được giữ vững và đồng thời phát triển.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và giáo viên đều xây dựng tốt kế hoạch hoạt động chuyên môn từng tuần, tháng và năm học. Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian biên chế năm học; thực hiện đầy đủ, kịp thời kế hoạch giảng dạy các môn học và đúng theo nội dung phân phối chương trình. Định kỳ nhà trường có rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về thực hiện kế hoạch năm học, thực hiện kế hoạch giảng dạy của các tổ chuyên môn, của cá nhân.

## **3. Điểm yếu**

Việc đánh giá của các tổ chuyên môn còn nặng về hành chính, chưa thực sự đi sâu vào các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học.

Vẫn còn số ít giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học chưa thực sự hiệu quả.

Phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của một số học sinh thuộc người DTTC chưa tốt.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thời gian tới, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phối hợp với tổ chuyên môn, giáo viên tập trung đổi mới phương pháp dạy và học, đánh giá, nhận định sự tác động tích cực để thực hiện hiệu quả, chất lượng chương trình giáo dục theo quy định, đặc biệt thực hiện CTGDPT mới.

Tổ trưởng chuyên môn tập trung nghiên cứu triển khai sinh hoạt chủ động, sáng tạo, linh hoạt đổi mới phương pháp, hình thức dạy học phát huy năng lực học sinh, giúp học sinh có phương pháp tự học, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Tổ chuyên môn, xây dựng các tiết dạy mẫu có áp dụng phương pháp, hình thức dạy học hiện đại để giáo viên trong nhà trường được dự giờ rút kinh nghiệm, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học thực sự hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tăng cường các chuyên đề nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng tốt mục tiêu giáo dục chương trình mới.

#### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

#### Kết quả: Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

Vào đầu mỗi năm học, BGH chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm tiến hành tìm hiểu, nắm bắt tình hình của lớp chủ nhiệm thông qua bảng điểm cuối năm trước, tìm hiểu hoàn cảnh học sinh, nắm bắt thông tin từng học sinh trong lớp để biết được những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để xây dựng kế hoạch phù hợp [H5-5.1-06]; [H5-5.1-12]

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

Hằng năm nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi để chuẩn bị dự nguồn thi các cấp. tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu kém để nâng cao chất lượng giáo dục [H5-5.2-01].

Trong những năm qua, vào đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo giáo viên bộ môn khảo sát chất lượng, phân loại trình độ của học sinh (giỏi, khá, trung bình, yếu, kém) để bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được sắp xếp học thêm tiết hoặc trong các tiết còn trống, trong các buổi trực của giáo viên nhằm nâng cao kết quả học tập của học sinh. [H5-5.2-02]

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Cuối mỗi kì, mỗi năm học, thông qua sổ điểm, nhà trường đã tiến hành thống kê chất lượng học sinh, tổng hợp kết quả kiểm tra học kì của từng khối lớp, để phân loại học sinh. Từ đó, BGH, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn đánh giá chất lượng hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện và có sự điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tế cho thời gian đến. [H5-5.1-14]

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được nhà trường quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện để học tập và rèn luyện, hàng năm nhà trường lập danh sách học sinh khó khăn để nhận các suất quà, học bổng của các chương trình của các cấp và mạnh thường quân. Không có học sinh bỏ học, bỏ thi, chất lượng một số cuộc thi, kỳ thi đã giữ vững và đi lên. 100% học sinh của trường đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]

Mức 3:

Nhà trường có học sinh có năng khiếu tham gia các cuộc thi và đạt các giải như thi học sinh giỏi các môn văn hóa, TDTT, Quốc phòng, các cuộc thi khoa học kỹ thuật và đã được cấp có thẩm quyền ghi nhận. [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06].

## **2. Điểm mạnh**

Trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn quan tâm giáo dục toàn diện đến học sinh, tăng cường rèn luyện giáo dục kỹ năng sống và sức khỏe cho học sinh. Chú trọng giáo dục toàn diện Đức - Trí - Thể - Mỹ có chất lượng được đồng nghiệp, phụ huynh và cấp trên đánh giá cao.

Bên cạnh đó, nhà trường đã chú trọng đến công tác phụ đạo cho học sinh yếu kém, có kế hoạch và thời khóa biểu cụ thể, đề ra các biện pháp hợp lý và kịp thời.

Các tổ chuyên môn đã bám sát các chỉ tiêu giáo dục của nhà trường để xây dựng kế hoạch chuyên môn phù hợp.

Đội ngũ trong hội đồng sư phạm nhà trường luôn nhiệt tình, quan tâm gần gũi đến các học sinh, coi học sinh như là con mình, đặc biệt quan tâm học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giúp các em không tự ti, coi thầy cô, cô chú như là cha mẹ và biểu lộ các tâm tư nguyện vọng, các em ăn ở nội trú như là anh em, hòa nhập và đáp ứng được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Ngoài ra, nhà trường đã tổ chức giảng dạy theo khả năng tiếp thu của học sinh, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh.

Giáo viên tích cực phụ đạo học sinh yếu, kém nên tỷ lệ học sinh yếu kém giảm dần theo các năm.

## **3. Điểm yếu**

Mặc dù nhà trường đã tổ chức phụ đạo học sinh yếu, kém. Tuy nhiên, hiện tại vẫn còn tình trạng học sinh có lực học yếu, đặc biệt các môn: Toán, Tiếng Anh và các môn thuộc KHTN.

Do kinh phí nhà trường còn hạn hẹp nên có lúc khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**



Tiếp tục phân loại học sinh ngay từ đầu cấp học, tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi và công tác phụ đạo học sinh yếu kém thường xuyên, hiệu quả hơn. Giáo viên tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học để thu hút học sinh và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo và giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cho từng bộ môn. Giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên tổ chức các buổi hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn học sinh xác định mục tiêu học tập, tư vấn hướng nghiệp từ đó học sinh có động lực phấn đấu học tập tốt hơn.

Hằng năm, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động của các câu lạc bộ để thường xuyên phát hiện học sinh có năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật.

Lựa chọn những giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết và có kinh nghiệm để bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi và nhất là học sinh giỏi lớp 9,12.

Phối hợp với gia đình động viên học sinh nỗ lực, tích cực hơn trong học tập và các hoạt động.

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

### Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

### 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Đắk Nông, nhà trường đã chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong từng năm học, lồng ghép với kế hoạch giáo dục chung của các môn học Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí và GDCD, công nghệ.

Vào đầu từng năm học, nhà trường chỉ đạo rà soát và triển khai thực hiện chương trình GDĐP, theo chương trình sách cũ, chủ yếu là lồng ghép trong các môn học, đối với chương trình GDĐP theo chương trình mới đã bảo đảm về tài liệu, qua đó giúp giáo viên triển khai đầy đủ, bảo đảm, giúp các em học sinh hiểu biết thêm về lịch sử địa phương khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương Đắk Nông [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả qua bài kiểm tra kiến thức, qua các đợt đi thực tế tại các cơ sở và qua các sản phẩm mà học sinh đã làm [H5-5.3-03].

c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương

Hàng năm, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, tổ chức thực hiện chương trình GDĐP, trong đó, hướng dẫn giáo viên thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo đúng kế hoạch và thành lập nhóm chuyên môn để xây dựng PPCT thực hiện bảo đảm theo yêu cầu, quy định. [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]

### Mức 2:

Nhà trường thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Nội dung giáo dục địa phương đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn, qua các tiết học, các lần trải nghiệm thực tế đã giúp học sinh được tìm hiểu, hiểu biết thêm về địa lí, khí hậu, đất đai, tài nguyên, tìm hiểu truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân địa phương, quá trình hình thành và phát triển của địa phương, các di tích, địa danh lịch sử địa phương, tìm hiểu truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, cách giao tiếp ứng xử, ngôn ngữ, các món ăn đậm đà bản sắc của các dân tộc, ... [H5-5.3-06]; [H5-5.3-07].

## **2. Điểm mạnh**

Nội dung GDĐP được chuyên môn triển khai thực hiện đầy đủ, lồng ghép trong nhiều môn học. Nhà trường rất quan tâm đến chất lượng giảng dạy các bộ môn văn hóa và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, trong hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm.

Đội ngũ giáo viên tích cực sưu tầm, lồng ghép triển khai cho HS, đặc biệt tổ chức duy trì các bản sắc địa phương trong các hoạt động sinh hoạt chủ điểm lớn trong năm học.

Đa số học sinh có ý thức tham gia mọi hoạt động do nhà trường đề ra, chấp hành nghiêm chỉnh, nhiệt tình tích cực.

Chương trình, nội dung giáo dục địa phương đã góp phần tích cực trong phong trào xây dựng “trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương đã tạo cho các em niềm tự hào và tình cảm yêu quý sâu sắc đối với con người, quê hương, tạo động lực không nhỏ giúp cho học sinh học tập phấn đấu cống hiến cho địa phương và đất nước.

### 3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục địa phương còn ít so với yêu cầu thực tế. Việc sưu tầm, thu thập, tìm kiếm, tiếp cận tài liệu liên quan đến nội dung giáo dục địa phương của các môn học còn hạn chế.

Công tác rà soát, đánh giá cải tiến điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương thực hiện chưa được nhiều.

Đội ngũ giáo viên chưa thực sự có kiến thức chuyên sâu về nội dung chương trình địa phương, chủ yếu thực hiện mang tính lí thuyết, chưa có nhiều điều kiện để tham quan thực tế nhiều ở các địa phương ngoài huyện.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định. Cập nhật kịp thời tài liệu giáo dục địa phương của cấp trên ban hành, tham khảo và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách báo, tài liệu lịch sử địa phương. Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

Phát động đến phụ huynh học sinh cung cấp các đồ vật, vật thể có liên quan đến nội dung GDĐP.

Nhà trường tạo điều kiện và tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu thực tế tại địa phương để các em có điều kiện hiểu, biết hơn về văn hoá địa phương.

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1   |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|---------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a       | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b       | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| c       | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                |                  |                |

**Kết quả: Đạt Mức 2.**

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường

Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với học sinh và điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]

- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp theo kế hoạch, có sự phân công cụ thể cho giáo viên kiêm nhiệm, tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn liền với các chủ đề, chủ điểm từng tháng dưới nhiều hình thức. Nhà trường cũng tích cực phổ biến kiến thức về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho HS trong các giờ ngoại khóa, trong một số giờ thể dục,... [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04]

- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Từ kế hoạch chung của nhà trường, ban chuyên môn đã có sự huy động, phân công giáo viên, nhân viên trong trường tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.4-05]

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

Hàng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phù hợp với học sinh và đạt được kết quả tương đối tốt. Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên và các bộ phận phụ trách hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh và điều kiện cho phép của nhà trường như: Tổ chức thảo luận, tổ chức các trò chơi, tổ chức các câu lạc bộ, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, tổ chức sự kiện, hoạt động nhằm tạo sự hứng thú, lôi cuốn học sinh vào hoạt động [H5-5.4-06]

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Hàng năm học, nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đánh giá những việc làm tốt, những hạn chế để rút kinh nghiệm cho các năm học sau, đề ra giải pháp cho năm học tiếp theo thực hiện tốt hơn.[H5-5.4-07]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, phù hợp với học sinh với nhiều hình thức góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cũng như rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; có sự phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo đúng kế hoạch, học sinh hứng thú khi tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cũng như rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Một số HS chưa nhiệt tình tham gia vào các hoạt động trải nghiệm. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp còn chưa phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức.

Nhà trường không có biên chế giáo viên chuyên trách, do đó hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn gặp một số khó khăn. Công tác tư vấn hướng nghiệp chủ yếu do sự hiểu biết, tự tìm hiểu của giáo viên được phân công, chưa có giáo viên chuyên sâu, có kinh nghiệm trong hướng nghiệp.

Ít tổ chức cho học sinh tham quan thực tế tại các cơ sở nghề, các trường nghề giúp học sinh có thêm kiến thức và hiểu biết.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, phù

hợp với học sinh với nhiều hình thức góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cũng như rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

Tiếp tục phổ biến kiến thức về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho học sinh trong các giờ sinh hoạt lớp, chào cờ,....

Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian trong các ngày lễ, giờ ngoại khóa, tổ chức các chuyến đi tham quan, trải nghiệm để giúp học sinh nâng cao kiến thức thực tế.

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2      |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a          | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| b          | <b>Đạt</b>     | b          | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |            |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b> |                |                  |                |

**Kết quả: Đạt Mức 2.**

#### *Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh*

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

Nhằm định hướng giáo dục học sinh hình thành và phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện của nhà trường và địa phương, hiệu trưởng đã ban hành nội quy nhà trường, quy tắc ứng xử giữa học sinh với học sinh, giữa học sinh với giáo viên, nhân viên. Bên cạnh đó, hằng năm, nhà trường đã ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng sống, kế hoạch tư vấn tâm lý, tuyên truyền tảo hôn, định hướng mục tiêu cần đạt trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03]

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

Hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường tổ chức thông qua các tình huống cụ thể, tổ chức lồng ghép trong các môn học, hoạt động tập thể và các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục học sinh ý thức chấp hành luật giao thông, cách phòng tránh tai nạn giao thông qua môn học. Kết hợp với công an huyện, tỉnh để thực hiện các bài thi, buổi tuyên truyền về an toàn giao thông, thực hành cách PCCC. Chú trọng các kỹ năng giao tiếp thiết yếu cho học sinh; kỹ năng ứng xử, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm. Qua đó quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh trường đã có những chuyển biến tích cực trong rèn luyện. [H5-5.5-04]; [H5-5.5-05]

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp quản lý, tập trung vào mục tiêu chung cần đạt của giáo dục PT. Với sự quan tâm của cả đội ngũ trong HĐSP nhà trường về đạo đức, lối sống cho học sinh, đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt hằng năm đều đạt mục tiêu, tỷ lệ cao.[H5-5.5- 06]

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

Nhà trường thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh theo quy định của thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 và Thông tư số 26 bổ sung TT 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT, đồng thời thực hiện đúng Thông tư số: 22 /2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT. Công tác kiểm tra luôn được nhà trường, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm thông báo đến học sinh cụ thể, kịp thời. Học sinh của nhà trường chủ động biết thông tin về số bài, hình thức, nội dung, các yêu cầu khác về từng bài kiểm tra của từng môn học, từ đó có sự chuẩn bị và ôn tập trước; được hướng dẫn

đánh giá kết quả mỗi bài kiểm tra trong giờ trả bài của từng bộ môn. Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, nhà trường cũng thường xuyên quan tâm đến việc hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân. [H5-5.5-07]

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Nhà trường luôn chỉ đạo đội ngũ giáo viên thực hiện đầy đủ các tiết dạy thực hành theo quy định, khuyến khích giáo viên thực hiện đa dạng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm từng bước tăng khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức, vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trong đời sống và sinh hoạt hàng ngày như: làm bài thực hành, thí nghiệm, giải thích các hiện tượng tự nhiên,.. Học sinh của nhà trường đã tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật với kết quả đáng khích lệ. Điều đó cho thấy khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước được hình thành và phát triển. [H5-5.5-08]

Mức 3:

Học sinh của nhà trường bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh đã từng bước biết tham gia nghiên cứu khoa học sáng tạo. Trong năm học vừa qua đã có 02 sản phẩm Khoa học kỹ thuật của 4 em học sinh đạt giải cấp tỉnh. [H5-5.5-09]; [H5-5.5-10]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện công tác định hướng giáo dục cho học sinh để hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

Các hình thức rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh phong phú, học sinh được rèn luyện, tích lũy nhiều kỹ năng cơ bản, từ đó giúp học sinh tự tin hơn trong ứng xử giao tiếp, có nhiều kỹ năng trong cuộc sống.

Bên cạnh đó, học sinh của nhà trường có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân và đánh giá lẫn nhau.

## **3. Điểm yếu**

Khả năng vận dụng kiến thức đã học qua các hoạt động giáo dục của một số HS vào thực tiễn trong cuộc sống chưa được tốt.

Một số học sinh chưa có ý thức trong học tập và rèn luyện, chưa cố gắng trong học tập, còn vi phạm nội quy của nhà trường. Nguyên nhân do chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, chất lượng học tập ở bậc TH và THCS đối với học sinh DTTS trên địa bàn chưa cao; một số CMHS chưa quan tâm đến việc học tập của



con em mình chủ yếu giao khoán cho nhà trường, ý thức học tập của một số học sinh chưa tốt, chưa chịu khó trong học tập và rèn luyện.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch hợp lý để tổ chức tốt các hoạt động rèn luyện cho học sinh qua đó hình thành tốt hơn nữa về kỹ năng sống.

Nghiên cứu đổi mới cách tổ chức các chương trình hoạt động giáo dục NGLL như: sinh hoạt lớp, chào cờ, sinh hoạt Đoàn để tuyên truyền các chủ đề về kỹ năng sống, hấp dẫn được học sinh tham gia vào việc rèn luyện kỹ năng sống một cách tự nguyện để nâng cao chất lượng giáo dục của hoạt động này cho học sinh. Coi trọng khâu rèn kỹ cương, nề nếp, tính tự giác, trung thực, tinh thần vượt khó, phát huy học sinh có năng khiếu, động viên các em đi vào lĩnh vực nghiên cứu, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Tổ chức biểu dương, khen thưởng những học sinh đạt thành tích toàn diện trong học tập, rèn luyện và trong các hoạt động trong nhà trường.

Nhà trường tiếp tục tăng cường phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể, cơ quan chức năng địa phương nhằm tổ chức các hình thức giáo dục kỹ năng sống phong phú và hiệu quả hơn.

#### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | *                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |                  |                |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

#### Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường: Đạt ít nhất 10% đối với trường THCS, trường đối với trường có cấp THPT.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường: Đạt ít nhất 35% đối với trường THCS, 25% đối với trường có cấp THPT.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường: không quá 05% đối với trường THCS và đối với trường có cấp THPT.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường THCS, đối với trường có cấp THPT.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức hội nghị nhiệm vụ năm học và đề ra các chỉ tiêu phấn đấu về học lực và hạnh kiểm. Đến cuối mỗi năm học, nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá, thống kê thể hiện qua báo cáo tổng kết của nhà trường. Nhìn chung, kết quả học lực, hạnh kiểm HS từng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. [H5-5.6-01]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

Qua các năm học vừa rồi, tuy tình hình dịch bệnh Covid 19 đã tác động đến tình hình dạy và học của nhà trường. Có sự thay đổi đổi công thức tính điểm của kỳ thi TN THPT, song trên cơ sở kế hoạch của nhà trường, giáo viên bộ môn lập kế hoạch, phân loại học sinh để có phương pháp giảng dạy, ôn tập, phụ đạo, ôn thi tốt nghiệp THPT phù hợp. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THPT luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, không có học sinh lưu ban, tỷ lệ học sinh cuối cấp luôn đậu tốt nghiệp 100% [H5-5.6-02]

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Triển khai thực hiện đề án phân luồng học sinh sau tốt nghiệp, nhà trường thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp phù hợp cho từng đối tượng, học sinh định hướng nghề nghiệp theo năng lực, sở thích. Kết quả qua các năm tỷ lệ học sinh đăng ký vào các trường Cao đẳng, Đại học không nhiều, tỷ lệ học sinh học nghề và trực tiếp tham gia sản xuất ở các khu công nghiệp có xu hướng tăng. [H5-5.6-03]

Mức 2:

Trong các năm học vừa qua, kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh được giữ vững và có chuyển biến qua các năm học, theo số liệu sau [H5-5.6-01]

| Năm học     | Số HS | Học lực |     |    |     |     | Hạnh kiểm |     |    |     |
|-------------|-------|---------|-----|----|-----|-----|-----------|-----|----|-----|
|             |       | Giỏi    | Khá | TB | Yếu | Kém | Tốt       | Khá | TB | Yếu |
| 2018 - 2019 | 199   | 22      | 110 | 63 | 4   | 0   | 140       | 57  | 2  | 0   |
| 2019 - 2020 | 208   | 22      | 102 | 80 | 4   | 0   | 174       | 34  | 0  | 0   |
| 2020 - 2021 | 208   | 18      | 124 | 66 | 0   | 0   | 184       | 24  | 0  | 0   |
| 2021 - 2022 | 205   | 23      | 112 | 67 | 3   | 0   | 175       | 30  | 0  | 0   |

Tỷ lệ học sinh lên lớp, tỷ lệ tốt nghiệp của nhà trường trong các năm học vừa qua luôn ổn định, đạt kết quả theo đúng kế hoạch, đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp THCS và THPT. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong các năm vừa qua tính đến thời điểm đánh giá, theo số liệu báo cáo sau [H5-5.6-02].

| Năm học     | Số lượng HS | SL Tốt nghiệp | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-------------|-------------|---------------|-----------|---------|
| 2018-2019   | 28          | 26            | 92.85     |         |
| 2019 - 2020 | 28          | 28            | 100%      |         |
| 2020 - 2021 | 31          | 31            | 100%      |         |
| 2021 - 2022 | 29          | 29            | 100%      |         |

Mức 3:

Trong các năm học vừa qua, kết quả hai mặt chất lượng của nhà trường luôn đạt theo yêu cầu của trường chuẩn. Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục của từng cấp học THCS và THPT cụ thể theo số liệu sau [H5-5.6-01]

| Nội dung                               | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi (%)       | 11,1              | 10,57             | 8,65              | 11,22             |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá (%)        | 55,3              | 49,04             | 59,62             | 54,63             |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình (%) | 31,6              | 38,46             | 31,73             | 32,68             |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém       | 2,0               | 1,93              | 0                 | 1,46              |

|  |      |       |       |       |
|--|------|-------|-------|-------|
| (%)  |      |       |       |       |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt (%)        | 70,4 | 83,65 | 88,46 | 85,37 |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá (%)        | 28,6 | 16,35 | 11,54 | 14,63 |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình (%) | 1,0  | 0     | 0     | 0     |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu (%)        | 0,00 | 0,00  | 0,00  | 0,00  |

Hàng năm, nhà trường không có học sinh lưu ban và bỏ học. Chỉ có trường hợp học sinh trúng tuyển mà không nhập học và trường hợp học sinh xin chuyển trường, học sinh nghỉ học trong hè, học sinh bị bệnh xin lưu ban kết quả để học tiếp năm kế đến. [H5-5.6-02]

## 2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đều đạt mục tiêu, yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp được duy trì và giữ vững, có chuyển biến tích cực trong các năm học vừa qua tính đến thời điểm đánh giá. Trong đó, tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt tỉ lệ tương đối cao. Học sinh đỗ tốt nghiệp THCS và THPT luôn đạt tỷ lệ 100%.

Nhà trường thực hiện đảm bảo tư vấn, định hướng, phân luồng học sinh đang học trong nhà trường và sau khi tốt nghiệp hiệu quả.

## 3. Điểm yếu

Sự phối hợp, phản ánh thông tin hai chiều giữa giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn đôi khi còn chưa kịp thời.

Do điều kiện kinh tế của học sinh còn khó khăn, do vậy một số học sinh chưa thật sự tập trung chú tâm vào việc học tập.

Vẫn còn có học sinh yếu ở các môn học như Toán, tiếng Anh và môn KHTN. Còn có học sinh xếp loại học lực yếu phải thi lại mới được lên lớp.

Bên cạnh đó, chất lượng đầu vào của những học sinh thuộc người DTTC thường còn thấp nhưng trường vẫn phải tuyển sinh đảm bảo chỉ tiêu theo quy định, do đó ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục chung của nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được và xây dựng kế hoạch chuyên môn hợp lý, phân công chuyên môn giáo viên phù hợp với năng lực để phát huy tốt hiệu quả giảng dạy. Tăng cường công tác giáo dục đạo đức học sinh; tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy, học và kiểm tra, đánh giá nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng học lực, hạnh kiểm, tỉ lệ học sinh lên lớp và duy trì tỉ lệ tốt nghiệp lớp

cuối cấp, đặc biệt TN THPT; tăng cường hơn nữa công tác dạy phụ đạo, ôn tập học sinh yếu, ôn thi tốt nghiệp THPT.

Nhà trường tiếp tục quan tâm đặc biệt, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Khen thưởng xứng đáng những giáo viên, học sinh có thành tích tốt trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi để phấn đấu có nhiều học sinh giỏi các cấp. Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để động viên, khích lệ các em học sinh có thành tích cao trong học tập. Tăng cường nguồn kinh phí từ ngân sách và các nguồn tài trợ hợp pháp để chi cho công tác khen thưởng, hỗ trợ nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

Tích cực tìm các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng nhiều hơn nữa chất lượng mũi nhọn, có biện pháp hạ thấp tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu. Tăng cường công tác giáo dục đặc thù, quan tâm hơn nữa học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

### 5. Tự đánh giá:

| Mức 1      |                | Mức 2            |                | Mức 3            |                |
|------------|----------------|------------------|----------------|------------------|----------------|
| Chỉ báo    | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo (Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a          | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     | a                | <b>Đạt</b>     |
| b          | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     | b                | <b>Đạt</b>     |
| c          | <b>Đạt</b>     |                  |                |                  |                |
| <b>Đạt</b> |                | <b>Đạt</b>       |                | <b>Đạt</b>       |                |

**Kết quả: Đạt Mức 3.**

### Kết luận về Tiêu chuẩn 5

#### \* Đánh giá chung:

Trong những năm học qua, nhà trường luôn tổ chức dạy học đúng, đầy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông, các văn bản hướng dẫn của các phòng chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo mục tiêu giáo dục phổ thông Quốc Gia.

Với chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy là phương châm hàng đầu trong cả quá trình hoạt động giáo dục. Giáo viên nhà trường đã phát huy vai trò chủ đạo trong việc hướng dẫn học sinh chủ động, tích cực tiếp thu và phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo, áp dụng kiến thức kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống.

Nhà trường chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh nhằm đảm bảo khách quan, công bằng và hiệu quả đánh giá đúng năng lực của học sinh; thường xuyên xây dựng kế hoạch nhằm phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, ôn tập, phụ đạo học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện nên trong những

năm học vừa qua, học sinh có nhiều thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, các cuộc thi, kỳ thi và cơ bản biết vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn chưa.

Kết quả xếp loại về học lực của học sinh các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học, chỉ tiêu của nhà trường đề ra.

Hoạt động giáo dục trong nhà trường hằng năm đạt được kết quả tương đối tốt, có học sinh đạt giải trong kì thi KHKT; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT đạt 100%.

Các tổ bộ môn, Đoàn thanh niên thường xuyên tổ chức ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động văn thể mỹ để giáo dục học sinh; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian.

Thực hiện tốt công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để tuyên truyền ý thức chấp hành luật giao thông và các tai nạn thương tích khác. Tổ chức khám sức khỏe và tư vấn, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình cho học sinh.

Tổ chức dạy nghề theo chương trình giáo dục nghề phổ thông, 100% học sinh tham gia học nghề và đạt loại khá trở lên.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong những năm học vừa qua, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số cán bộ giáo viên ứng dụng CNTT và giảng dạy còn hạn chế, việc đổi mới phương pháp dạy học chưa theo kịp yêu cầu; một số ít học sinh chưa ham học, kỹ năng mềm của một số ít học sinh còn hạn chế; Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động TDTT, văn nghệ còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

**\* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:**

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%;
- Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100%;
- Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100%;
- Đạt Mức 3: 4/4 tiêu chí chiếm 100%.

## **C. KẾT LUẬN CHUNG**

### **1. Đánh giá chung**

- Tự đánh giá là giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Qua công tác tự đánh giá lại quá trình thực hiện nhiệm vụ trong 05 năm trở lại đây nhà trường nhận thấy:

- Tập thể nhà trường đoàn kết, không ngừng vươn lên để đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; đội ngũ về cơ bản đạt chuẩn, song hàng năm phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Về học sinh: Số lượng cơ bản ổn định, chất lượng đầu vào chưa được cao. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của nhà trường kết quả giáo dục 02 mặt trong các năm gần đây đã đạt tỉ lệ theo quy định của trường chuẩn quốc gia.

- Về CSVC và trang thiết bị dạy học:

Trước mắt đảm bảo để tổ chức dạy học, phòng học bộ môn, thiết bị và một số CSVC khác còn thiếu so với quy định mới thì nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo để được đầu tư, sửa chữa.

- Về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ, vì vậy được sự quan tâm hỗ trợ và giúp đỡ của các cơ quan bên ngoài nhà trường.

- Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ có hiệu quả chương trình giáo dục và kế hoạch năm học; chú trọng đến phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật; tăng cường nhiều hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, trò chơi dân gian cho học sinh. Kết quả giáo dục 2 mặt ổn định, kết quả các hoạt động đạt nhiều thành tích trong những năm qua.

Ba năm học vừa qua (2019-2020, 2020-2021, 2021-2022), chi bộ nhà trường đều hoàn tốt nhiệm vụ, nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, công đoàn đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, Đoàn thanh niên đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

## **2. Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt mức 1, mức 2, mức độ 3 và mức 4:**

- Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0%

- Đạt Mức 1: 28/28 tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 2: 28/28 tiêu chí chiếm 100 %

- Đạt Mức 3: 11/20 tiêu chí chiếm 55 %

- Đạt mức 4: 1/6 tiêu chí chiếm 17%

Căn cứ quy định tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường THCS, THPT, trường PT DTNT THCS & THPT huyện Đăk Mil tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đề nghị công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.
















*Đăk Mil, ngày 25 tháng 4 năm 2023*

**TM. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**




















**HIỆU TRƯỞNG Hồ Tấn Đăng**

**HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG PT DTNT THCS & THPT HUYỆN ĐẮK MIL  
ĐƯỜNG DẪN MINH CHỨNG, MÃ QR**

| <b>TT</b> | <b>TIEU CHUAN/<br/>Tieu chi/MÃ<br/>MINH CHỨNG</b> | <b>NỘI DUNG</b>  | <b>ĐƯỜNG DẪN</b>  | <b>MÃ QR</b>  | <b>GHI CHÚ</b> |
|-----------|---|--|---|---|----------------|
| <b>A</b>  | <b>TIEU CHUAN 1</b>                               | <b>Tổ chức và quản lý nhà trường</b>   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1YVGI6CoSoRShjIRHkGCAGYetsr7ArHx">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1YVGI6CoSoRShjIRHkGCAGYetsr7ArHx</a>     |    |                |
| <b>1</b>  | <b>[H1-1.1]<br/>Tieu chi 1.1</b>                  | <b>Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</b>                    | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1YVGI6CoSoRShjIRHkGCAGYetsr7ArHx">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1YVGI6CoSoRShjIRHkGCAGYetsr7ArHx</a>     |    |                |
| <b>2</b>  | <b>[H1-1.2]<br/>Tieu chi 1.2</b>                  | <b>Hội đồng trường và các hội đồng khác</b>  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1pMOX46rJjePpee6hrl5SbM7p5y4j0OX0">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1pMOX46rJjePpee6hrl5SbM7p5y4j0OX0</a>   |    |                |
|           | [H1-1.2-01]                                       | Hội đồng trường  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1y2PWbCA5TZpisZTXUOouxFoCGAm7F8B-">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1y2PWbCA5TZpisZTXUOouxFoCGAm7F8B-</a>   |    |                |
|           | [H1-1.2-02]                                       | HĐ thi đua khen thưởng   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1YlhjyVUps_p6oiKywN9p_ER5NHKUymyr">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1YlhjyVUps_p6oiKywN9p_ER5NHKUymyr</a>   |    |                |
|           | [H1-1.2-03]                                       | HĐ kỉ luật   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1oW7ROG1yHuwSLfKjTA021cpdcxIueON">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1oW7ROG1yHuwSLfKjTA021cpdcxIueON</a>     |   |                |
|           | [H1-1.2-04]                                       | HĐ chấm SKKN   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1Ud_wVg9KCCRuODwHYXF4W-ipXPDYrB2M">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1Ud_wVg9KCCRuODwHYXF4W-ipXPDYrB2M</a>   |  |                |
|           | [H1-1.2-05]                                       | HĐ thi GVĐG  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1jK97rtglhKmAQAQIPMcCoIvDT32wJ4YJW">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1jK97rtglhKmAQAQIPMcCoIvDT32wJ4YJW</a> |  |                |
|           | [H1-1.2-06]                                       | HĐ tự đánh giá   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1yCeAtzw6tlL-qhI3aS01ldBKIPfbikk5">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1yCeAtzw6tlL-qhI3aS01ldBKIPfbikk5</a>   |  |                |
|           | [H1-1.2-07]                                       | KQ 3 năm học   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1HkdLhcM2L8V-EH3AohcU6BnDISEIcbsM">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1HkdLhcM2L8V-EH3AohcU6BnDISEIcbsM</a>   |  |                |
| <b>3</b>  | <b>[H1-1.3]<br/>Tieu chi 1.3</b>                  | <b>Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</b> | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1zSufzAlifZ8oT56GXGbemA6FOa4E60_B">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1zSufzAlifZ8oT56GXGbemA6FOa4E60_B</a>   |  |                |
|           | [H1-1.3-01]                                       | Các QĐ chuẩn y của các đoàn thể  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1Av8nTiwsKUKY9afxz23vuwxm2MtUsAHn">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1Av8nTiwsKUKY9afxz23vuwxm2MtUsAHn</a>   |  |                |
|           | [H1-1.3-02]                                       | Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng điều lệ                                     | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1cM8mtPBh_jrKaMAn4vveMxdbEC21kaWs">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1cM8mtPBh_jrKaMAn4vveMxdbEC21kaWs</a>   |  |                |
|           | [H1-1.3-03]                                       | Báo cáo sơ kết, tổng kết của các đoàn thể  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1vuwtohOljaRW7gFIdcDdkBh7WNn16qnw">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1vuwtohOljaRW7gFIdcDdkBh7WNn16qnw</a>   |  |                |
|           | [H1-1.3-04]                                       | Chi bộ trường  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1oG4JqarpJ_3jfaCrKs5QziUopxBtgt16">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1oG4JqarpJ_3jfaCrKs5QziUopxBtgt16</a>   |  |                |



|   |                                  |  |   |   |  |
|---|----------------------------------|--|---|---|--|
|   | [H1-1.3-06]                      | Đóng góp của các đoàn thể cho nhà trường                           | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1-Mhb6nguwDwNnOwezJ-_Vfr3OIqhwYej">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1-Mhb6nguwDwNnOwezJ-_Vfr3OIqhwYej</a>   |    |  |
|   | [H1-1.3-06]                      | Kết quả thành tích của các tổ chức đoàn thể                        | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1uTedSq5NmSXscuQp4D958HFfjNL-DkwM">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1uTedSq5NmSXscuQp4D958HFfjNL-DkwM</a>   |    |  |
| 4 | <b>[H1-1.4]<br/>Tieu chi 1.4</b> | <b>Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng</b> | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1sJLo4yn2fR8hVnoyW0nkt9TQVcZ7S5Tv">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1sJLo4yn2fR8hVnoyW0nkt9TQVcZ7S5Tv</a>   |    |  |
|   | [H1-1.4-01]                      | Các QĐ bổ nhiệm HT, PHT  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/14cVZAIZTEQsQHlxAXLBOHYkRjSLsqjG1">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/14cVZAIZTEQsQHlxAXLBOHYkRjSLsqjG1</a>   |    |  |
|   | [H1-1.4-02]                      | Tổ chuyên và các tổ khác   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1pY1UyyOuFskLi8gauPBfmyD7C5ecBoq0">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1pY1UyyOuFskLi8gauPBfmyD7C5ecBoq0</a>   |    |  |
|   | [H1-1.4-03]                      | Kế hoạch của các tổ  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/18KGmM010Uu-b9GeBZ9Jsoa0pngjTRTpQ">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/18KGmM010Uu-b9GeBZ9Jsoa0pngjTRTpQ</a>   |    |  |
|   | [H1-1.4-04]                      | Chuyên đề của các tổ chuyên môn                                    | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1XkM5CfyaXbG9ihyZ_7gTfRz6dF_XF6vc">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1XkM5CfyaXbG9ihyZ_7gTfRz6dF_XF6vc</a>   |    |  |
|   | [H1-1.4-05]                      | Biên bản họp cuối năm các tổ chuyên môn                            | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1EnoG0VxCmK9paiUYhazJtB9eDHmkP9rd">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1EnoG0VxCmK9paiUYhazJtB9eDHmkP9rd</a>   |   |  |
| 5 | <b>[H1-1.5]<br/>Tieu chi 1.5</b> | <b>Lớp học</b>   |   |   |  |
| 6 | <b>[H1-1.6]<br/>Tieu chi 1.6</b> | <b>Quản lý hành chính, tài chính và tài sản</b>                    | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1FDWmu3vLcBLIQTt5kPiDtnJ658SogY07">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1FDWmu3vLcBLIQTt5kPiDtnJ658SogY07</a>   |  |  |
|   | [H1-1.6-01]                      | Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định           | Được lưu tại phòng, cá nhân như trong báo cáo   |   |  |
|   | [H1-1.6-02a]                     | Phương án tự chủ, thông báo quyết toán hàng năm                    | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1iQtQKQzpx7QkbupJufUHKQIwb_yPvhsW">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1iQtQKQzpx7QkbupJufUHKQIwb_yPvhsW</a>   |  |  |
|   | [H1-1.6-02b]                     | Quy chế chi tiêu nội bộ, QĐ điều chỉnh bổ sung                     | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1FaB2qi7pE6vLIaO3nxorUF0ptY-OaBFU">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1FaB2qi7pE6vLIaO3nxorUF0ptY-OaBFU</a>   |  |  |
|   | [H1-1.6-03]                      | Biên bản kiểm kê tài sản cố định                                   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1n1pjXGRfdm8fCAXST5yepwW8dCypUhyn">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1n1pjXGRfdm8fCAXST5yepwW8dCypUhyn</a>   |  |  |
|   | [H1-1.6-04]                      | Các kế hoạch xin hỗ trợ về tài chính                               | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1CJbbKfokpq aEBAC7lsnWOElf6I_ilmcP">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1CJbbKfokpq aEBAC7lsnWOElf6I_ilmcP</a> |  |  |
| 7 | <b>[H1-1.7]<br/>Tieu chi 1.7</b> | <b>Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên</b>                      | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1SKDymf8MpZ2pdqK80sXwoGZ6fbFap4M">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1SKDymf8MpZ2pdqK80sXwoGZ6fbFap4M</a>     |  |  |
|   | [H1-1.7-01]                      | Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1QWpWPeWq3Pgvp2QhSpQBKI3PDK8iGRP">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1QWpWPeWq3Pgvp2QhSpQBKI3PDK8iGRP</a>     |  |  |

|          |                                    |  |   |   |  |
|----------|------------------------------------|--|---|---|--|
|          | [H1-1.7-02]                        | Phân công hợp lý   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1HapYuzpkLM3CNUyUvBopeoRxe6Fs0x_T">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1HapYuzpkLM3CNUyUvBopeoRxe6Fs0x_T</a> |    |  |
|          | [H1-1.7-03]                        | Đảm bảo quyền lợi theo quy định  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/127OS4t87HCHpUhKSxgKRPadlEMnfk6gS">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/127OS4t87HCHpUhKSxgKRPadlEMnfk6gS</a> |    |  |
|          | [H1-1.7-04]                        | Có biện pháp để phát huy năng lực  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1den33-K7kCYb1cpWyl08BC3TDCu3QPKt">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1den33-K7kCYb1cpWyl08BC3TDCu3QPKt</a> |    |  |
| 8        | <b>[H1-1.8]<br/>Tieu chi 1.8</b>   | <b>Quản lý các hoạt động giáo dục</b>  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1VbLWzRNY8zNu9U6L14prGHTIn7aWhkdL">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1VbLWzRNY8zNu9U6L14prGHTIn7aWhkdL</a> |    |  |
|          | [H1-1.8-01]                        | Kế hoạch giáo dục  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1EsDfje304hIUuLoxGumfal83ziUZHAPv">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1EsDfje304hIUuLoxGumfal83ziUZHAPv</a> |    |  |
|          | [H1-1.8-02]                        | Kế hoạch đối với mỗi lĩnh vực  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1W4x9-gSf-o8142hu_u-LyXdhWPZ7Zq9s">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1W4x9-gSf-o8142hu_u-LyXdhWPZ7Zq9s</a> |    |  |
|          | [H1-1.8-03]                        | Kế hoạch hàng tháng  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1MGHx97704yeJtrdni9JsozfnVQioFs36">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1MGHx97704yeJtrdni9JsozfnVQioFs36</a> |    |  |
|          | [H1-1.8-04]                        | Kế hoạch kiểm tra nội bộ   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1KaULe6YytXS9ovg9sTk5Wc1ulZuDlo4g">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1KaULe6YytXS9ovg9sTk5Wc1ulZuDlo4g</a> |   |  |
| 9        | <b>[H1-1.9]<br/>Tieu chi 1.9</b>   | <b>Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</b>   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1_vMU5aFRyh86i81DXE3CXhv04hNZPwYX">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1_vMU5aFRyh86i81DXE3CXhv04hNZPwYX</a> |  |  |
|          | [H1-1.9-01]                        | Các văn bản liên quan người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến; các ý kiến được nhà trường giải quyết | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1NTiYaGW37JVRpiffPc1wa7qjagDbNCvP">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1NTiYaGW37JVRpiffPc1wa7qjagDbNCvP</a> |  |  |
|          | [H1-1.9-03]                        | Các báo cáo về kết quả thực hiện quy chế dân chủ   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1caCmWOqgOCvSuHV5fdEEuVqz0kUYzIbt">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1caCmWOqgOCvSuHV5fdEEuVqz0kUYzIbt</a> |  |  |
| 10       | <b>[H1-1.10]<br/>Tieu chi 1.10</b> | <b>Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</b>   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1_z0cGmy-NCSe_LDs5h9Bw_9QRPX3Kz1Y">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1_z0cGmy-NCSe_LDs5h9Bw_9QRPX3Kz1Y</a> |  |  |
| <b>B</b> | <b>TIEU CHUAN 2</b>                | <b>Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1NtB8YX77or9vFvZW0uZGo6ogF1_qYD2k">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1NtB8YX77or9vFvZW0uZGo6ogF1_qYD2k</a> |  |  |
| 1        | <b>[H2-2.1]<br/>Tieu chi 2.1</b>   | <b>Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</b>  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/16ZFH056iMJvXezQr8-2VEdBpWn-WCNBG">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/16ZFH056iMJvXezQr8-2VEdBpWn-WCNBG</a> |  |  |
| 2        | <b>[H2-2.2]<br/>Tieu chi 2.2</b>   | <b>Đối với giáo viên</b>   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1fDaQf9Le59CLazcrK3q55eL39oOZKAHV">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1fDaQf9Le59CLazcrK3q55eL39oOZKAHV</a> |  |  |
| 3        | <b>[H2-2.3]<br/>Tieu chi 2.3</b>   | <b>Đối với nhân viên</b>   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1oyV7p46As22qUtcgxOmWGmSIZnhNYhDS">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1oyV7p46As22qUtcgxOmWGmSIZnhNYhDS</a> |  |  |
| 4        | <b>[H2-2.4]<br/>Tieu chi 2.4</b>   | <b>Đối với học sinh</b>  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1mSPPzbF7OAE59aBbE7kkeNcKfEGhGIkm">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1mSPPzbF7OAE59aBbE7kkeNcKfEGhGIkm</a> |  | Sổ đăng bộ & Sổ chủ nhiệm lưu tại VT; sổ điểm lưu tại phòng PHT PTCM |

|          |                          |   |   |  |  |
|----------|--------------------------|---|---|--|--|
| <b>C</b> | <b>TIEU CHUAN 3</b>      | <b>Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1gPDdn_F9BaeM9CdtT2rHfsm10f5LNeV">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1gPDdn_F9BaeM9CdtT2rHfsm10f5LNeV</a>   |  |  |
| 1        | [H3-3.1]<br>Tieu chi 3.1 | Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/118u_rIOIt1BK_tDP_2eMUPxr-oSOitSV">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/118u_rIOIt1BK_tDP_2eMUPxr-oSOitSV</a> |  |  |
| 2        | [H3-3.2]<br>Tieu chi 3.2 | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/11f0Bx27fSpl4o5zLVMCDICceYXzs7dC9">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/11f0Bx27fSpl4o5zLVMCDICceYXzs7dC9</a> |  |  |
| 3        | [H3-3.3]<br>Tieu chi 3.3 | Khối hành chính – quản trị  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1kJbhowRg5yjNFmGpG-8A_-ROT-r5OCzg">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1kJbhowRg5yjNFmGpG-8A_-ROT-r5OCzg</a> |  |  |
| 4        | [H3-3.4]<br>Tieu chi 3.4 | Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1in496SBYwulTCw-9zluHwANr23IMTmgA">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1in496SBYwulTCw-9zluHwANr23IMTmgA</a> |  |  |
| 5        | [H3-3.5]<br>Tieu chi 3.5 | Thiết bị  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/13jN-gRa1PM6mKrJsHkj8dQL0SApdv8oB">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/13jN-gRa1PM6mKrJsHkj8dQL0SApdv8oB</a> |  |  |
| 6        | [H3-3.6]<br>Tieu chi 3.6 | Thư viện  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1_zaS17XpAQoesO2tg-it9RhWbRhflhN_">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1_zaS17XpAQoesO2tg-it9RhWbRhflhN_</a> |  |  |
| <b>D</b> | <b>TIEU CHUAN 4</b>      | <b>Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1Vgyb7QOKSnEfeZzXhAtPqt9gyh-rT717">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1Vgyb7QOKSnEfeZzXhAtPqt9gyh-rT717</a> |  |  |
| 1        | [H4-4.1]<br>Tieu chi 4.1 | Ban đại diện cha mẹ học sinh  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1iRrf5yjJM35uD0NibaWJcm4Rvoc13215">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1iRrf5yjJM35uD0NibaWJcm4Rvoc13215</a> |  |  |
| 2        | [H4-4.2]<br>Tieu chi 4.2 | Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1MOwk7GXdvTR2LkuX6SILEjP9bnrzi-Wr">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1MOwk7GXdvTR2LkuX6SILEjP9bnrzi-Wr</a> |  |  |
| <b>E</b> | <b>TIEU CHUAN 5</b>      | <b>Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1HdNUv8qB5m_jOVXsSKM-V0SNt6lmmijp">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1HdNUv8qB5m_jOVXsSKM-V0SNt6lmmijp</a> |  |  |
| 1        | [H5-5.1]<br>Tieu chi 5.1 | Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1mAdf7KN4YBkb5PEKkEk90Vm4iliiWDbj">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1mAdf7KN4YBkb5PEKkEk90Vm4iliiWDbj</a> |  |  |
| 2        | [H5-5.2]<br>Tieu chi 5.2 | Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1GJ11HI3k9LVpalJfaL7RlfflyvANvZj7">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1GJ11HI3k9LVpalJfaL7RlfflyvANvZj7</a> |  |  |
| 3        | [H5-5.3]<br>Tieu chi 5.3 | Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1ITx27ZHvClqj8eSCkR72nTdZayMjykJS">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1ITx27ZHvClqj8eSCkR72nTdZayMjykJS</a> |  |  |
| 4        | [H5-5.4]<br>Tieu chi 5.4 | Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp   | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1equpQpMvJ5CXmF2ynq9sZWCqFVvJrq4K">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1equpQpMvJ5CXmF2ynq9sZWCqFVvJrq4K</a> |  |  |
| 5        | [H5-5.5]<br>Tieu chi 5.5 | Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1ug1fbUH3Xxr5eAhx2MMpl9x9CzGpcom_">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1ug1fbUH3Xxr5eAhx2MMpl9x9CzGpcom_</a> |  |  |
| 6        | [H5-5.6]<br>Tieu chi 5.6 | Kết quả giáo dục  | <a href="https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1j0GeaHbSHc9XyG1XAjhZpPW7KF7Wxn88">https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1j0GeaHbSHc9XyG1XAjhZpPW7KF7Wxn88</a> |  |  |